

Số 183/CBTT-HHC

Nghệ An, ngày 03 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty : Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Trụ sở chính : Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0983552266

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Toàn bộ nội dung Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

**Người thực hiện công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

- Thời gian:** 8h30' thứ 5, ngày 25 tháng 4 năm 2019 (tiếp đón từ 7h30')
- Địa điểm:** Phòng họp Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Đối tượng tham dự:** Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 28/3/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.
- Nội dung đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 sẽ xem xét thông qua các nội dung sau:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019;
 - Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018;
 - Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2019;
 - Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019;
 - Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;
 - Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
 - Tờ trình Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
 - Tờ trình Thông qua bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.



5. **Tài liệu liên quan đến Đại hội:** Các tài liệu liên quan đến Đại hội, mẫu Giấy đăng ký tham dự, Giấy ủy quyền tham dự, ... được đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na theo địa chỉ: <http://huana.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.

6. **Đăng ký tham dự đại hội:**

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, kính đề nghị quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội bằng hình thức gửi thư hoặc fax hoặc gửi thư điện tử trước ngày 23/4/2019 theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383.588.766;

Fax: 02383.588.767

Thư điện tử: vanthuhc@gmail.com

- Cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền).

Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty thành công tốt đẹp./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767



GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

1. Bên ủy quyền:

- Tên cổ đông:.....
- Số CMND/GPĐKKD:.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:....., Số fax:.....
- Đang sở hữu..... Cổ phần của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na theo danh sách chốt ngày 28/3/2019.

2. Bên nhận ủy quyền:

- Họ và tên:.....
- Số CMND/Passport.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ:.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na có tên dưới đây (đánh dấu “✓” để chọn):

- Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Bảo Ngọc - Ủy viên HĐQT, Giám đốc
- Ông Nguyễn Xuân Sơn - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc

- Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần.

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 25/4/2019 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kết thúc.

....., ngày ... tháng 4 năm 2019

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767



GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

Tên cổ đông:.....

Số CMND/Hộ chiếu:....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Số ĐKKD (đối với tổ chức):....., ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

.....

Số điện thoại:....., Số fax:.....

Hiện đang sở hữu (tính đến ngày 28/3/2019) Cổ phần của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na được tổ chức vào ngày 25/4/2019 tại Phòng họp Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày tháng 4 năm 2019

Cổ đông
(Ký tên/đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thời gian: Thứ 5, ngày 25 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

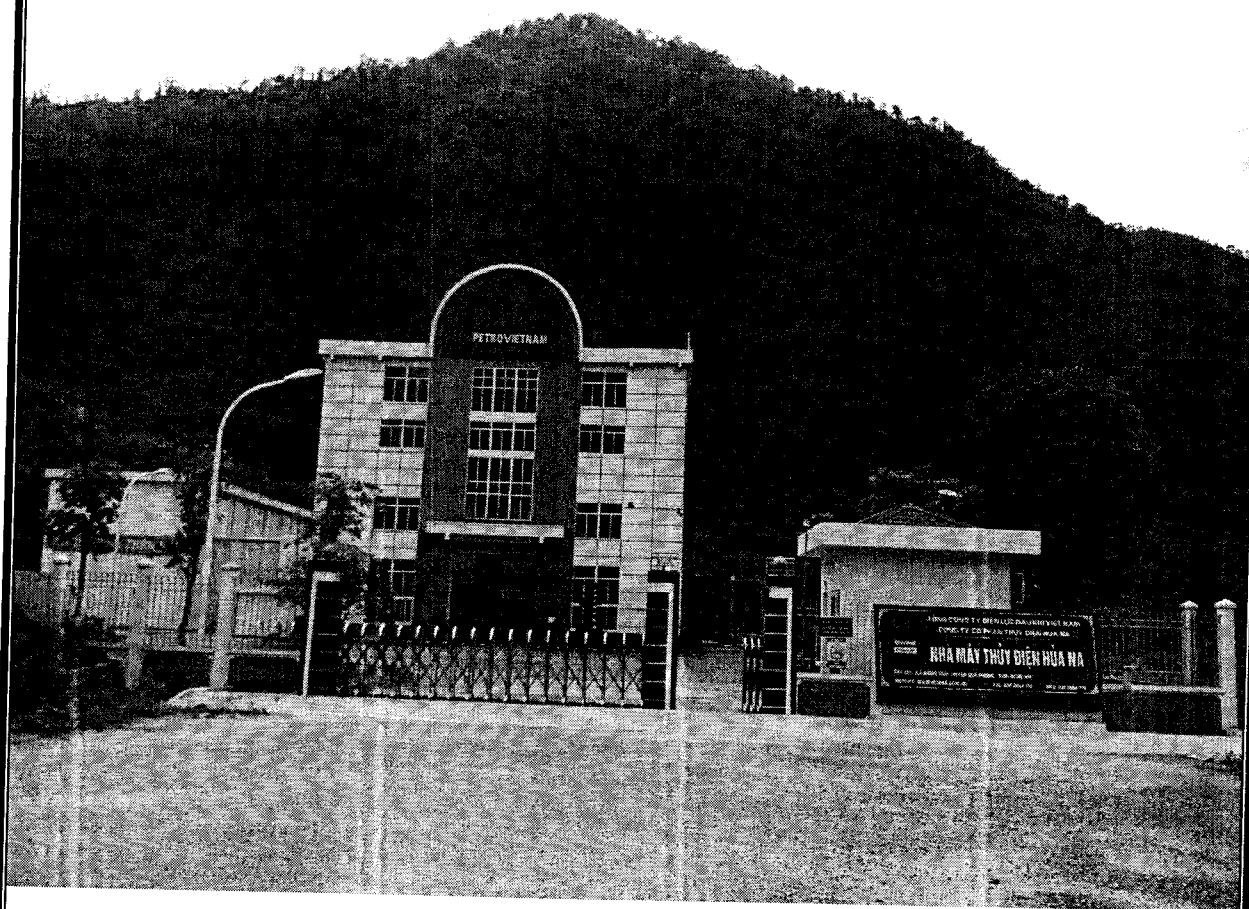
Thời gian	Nội dung chương trình
07h30~08h30	- Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông
08h30~08h40	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời
08h40~08h50	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thê lệ biểu quyết
8h50~10h20	- Thông qua các Báo cáo: ✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 ✓ Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 ✓ Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019 ✓ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018
	- Thông qua các Tờ trình: ✓ Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2019 ✓ Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2018, kế hoạch năm 2019 ✓ Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 ✓ Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 ✓ Tờ trình Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ✓ Tờ trình Thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh
10h20~11h00	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông
11h00~11h10	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết)
11h10~11h20	- Phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
11h20~11h30	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
11h30~11h40	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h40~12h00	- Thông qua Biên bản và Bế mạc Đại hội



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



Nghệ An, tháng 4 năm 2019

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thời gian: Thứ 5, ngày 25 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

STT	Tên tài liệu	Số/ngày
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế Tổ chức đại hội; Thê lệ biểu quyết	
3	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Hội đồng quản trị	148/BC-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
4	Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	149/BC-HHC ngày 15/3/2019
5	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019	02/2019/HHC-BKS ngày 11/3/2019
6	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018	11/2019/BCKT/PKF/ NHN ngày 04/3/2019
7	Tờ trình về việc Thông qua kế hoạch tài chính năm 2019	150/TTr-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
8	Tờ trình về việc Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019	151/TTr-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
9	Tờ trình về việc Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	152/TTr-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
10	Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019	153/TTr-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
11	Tờ trình về việc Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	154/TTr-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
12	Tờ trình về việc Thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh	155/TTr-HHC-HĐQT ngày 15/3/2019
13	Phiếu biểu quyết	
14	Dự thảo Nghị quyết	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thời gian: Thứ 5, ngày 25 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Thời gian	Nội dung chương trình
07h30~08h30	- Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông
08h30~08h40	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời
08h40~08h50	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thể lệ biểu quyết
8h50~10h20	- Thông qua các Báo cáo: ✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 ✓ Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 ✓ Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019 ✓ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018
	- Thông qua các Tờ trình: ✓ Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2019 ✓ Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2018, kế hoạch năm 2019 ✓ Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 ✓ Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 ✓ Tờ trình Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ✓ Tờ trình Thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh
10h20~11h00	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông
11h00~11h10	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết)
11h10~11h20	- Phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
11h20~11h30	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
11h30~11h40	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h40~12h00	- Thông qua Biên bản và Bế mạc Đại hội

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2019

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội;
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, qua báo chí, trên website của Công ty (<http://huana.com.vn>). Tài liệu đại hội được Ban tổ chức đăng tải công khai trên website của Công ty và phát cho cổ đông tại Đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
 - Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu) và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.
- Để thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội, cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự về Công ty theo địa chỉ và thời gian ghi trên Thư mời họp.
- Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết,...
- Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử (Trưởng Ban kiểm soát làm trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông).
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ tùy thân (CMND, hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Phát tài liệu liên quan đến Đại hội cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:
 - Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Ban thư ký

- Ban thư ký Đại hội được Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại “*Thể lệ biểu quyết*”.

Điều 9. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, chủ tọa ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 10 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức vào ngày 25/4/2019 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hoàng Xuân Thành

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2019

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Mã số cổ đông, Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua Nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thẻ lệ biểu quyết của Đại hội; Thẻ lệ bầu cử; Biên bản-Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Ý kiến khác”**.

2. Phiếu biểu quyết:

Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty. Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ. Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hoàng Xuân Thành

Số: 148/BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 có sự thay đổi, cụ thể: tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/4/2018, Đại hội đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và 01 thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	Đến ngày 19/4/2018
2	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 19/4/2018
3	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	
4	Lê Xuân Tùng	TV HĐQT	Đến ngày 19/4/2018
5	Lê Thanh Nghị	TV HĐQT	Đến ngày 19/4/2018
6	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó giám đốc	Từ ngày 19/4/2018
7	Lê Hải Long	TV HĐQT	Từ ngày 19/4/2018
8	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	Từ ngày 19/4/2018

Các thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh điện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị tiến hành 04 cuộc họp và ban hành 120 văn bản (Nghị quyết, Quyết định) cụ thể: Ban hành 04 Nghị quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và 116 Quyết định để quản lý, quản trị, điều hành các vấn đề trong các hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2018/NQ-HĐQT-HHC	01/3/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 01 năm 2018
2	02-2018/NQ-HHC-HĐQT	08/5/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 02 năm 2018
3	03-2018/NQ-HHC-HĐQT	12/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 03 năm 2018
4	04-2018/NQ-HHC-HĐQT	30/11/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 04 năm 2018

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành đều phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty để quản lý, quản trị Công ty và kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý Công ty.

Định kỳ hàng tháng hoặc bất thường, chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo giải quyết xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2018.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị nhà máy kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực, ... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

- Giao cho Ban Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2018.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

3. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	CT HĐQT đến ngày 19/4/2018)	4	267.708.380
2	Hoàng Xuân Thành	TV HĐQT, PGĐ đến ngày 19/4/2018; CT HĐQT từ ngày 19/4/2018	12	753.028.107
3	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	815.420.393
4	Lê Xuân Tùng	TV HĐQT đến ngày 19/4/2018	4	21.000.000
5	Lê Thanh Nghị	TV HĐQT đến ngày 19/4/2018	4	21.000.000
6	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, PGĐ từ ngày 19/4/2018	12	709.926.027

7	Lê Hải Long	TV HĐQT từ ngày 19/4/2018	12	45.000.000
8	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT từ ngày 19/4/2018	8	25.000.000
	TỔNG CỘNG			2.658.082.907

3.2. Chi phí hoạt động.

Trong năm 2019, Tổng kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 179.592.477 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2018

Hội đồng quản trị luôn quản lý chỉ đạo sát sao công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, chăm lo đời sống cho các CBCNV và các công việc còn lại của Dự án thủy điện Hủa Na. Năm 2018, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện. Thực hiện quản lý chỉ đạo toàn diện và quản trị Công ty một cách chuyên nghiệp, thực hiện tốt quản trị rủi ro. Kết quả đạt được như sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4/5)
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650,35	808,17	124%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46	883,23	134%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	662,09	101%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	221,14	3184%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	217,42	3134%
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	138,44	193,87	140%
7	Giá điện bình quân (chưa bao gồm các thuế, phí)	đ/kWh	903,08	948,89	105%

Năm 2018 tình hình thủy văn tương đối thuận lợi và tốt hơn nhiều so với các năm trước liền kề cùng thời điểm, kết hợp giá điện thị trường trung bình tương đối cao, đồng thời nhà máy đã tính toán chào giá, điều tiết hồ chứa hợp lý và vận hành nhà máy an toàn, nên Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đề ra, cụ thể:

- Ngày 07/10/2018 sản lượng điện Nhà máy thủy điện Hòa Na đã đạt 651,5/650,3 triệu kwh, hoàn thành 100% kế hoạch năm, doanh thu trước thuế phí đạt 601,9/587,3 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm. Như vậy Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu trước 85 ngày.

- Kết thúc năm 2018 Nhà máy đã hoàn thành vượt sản lượng điện 24% (vượt sản lượng điện theo thiết kế), tổng doanh thu vượt 34%, lợi nhuận trước thuế tăng 214,17 tỷ đồng so với kế hoạch.

Dù sản lượng điện năm 2018 phát lớn, nhưng đến ngày 31/12/2018 mực nước hồ chứa Thủy điện Hòa Na vẫn được tính toán để đạt cao trình ~240m, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh năm 2019 được thuận lợi.

2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đầu tư xây dựng.

2.1. Công tác vận hành: Nhà máy Thủy điện Hòa Na vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

2.2. Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Hoàn thành công tác Tiểu tu 2 tổ máy từ ngày 01/4/2018 đến ngày 30/4/2018 đúng tiến độ, các hệ thống thiết bị sau bảo dưỡng đạt yêu cầu về kỹ thuật, đáp ứng các tiêu chí về vận hành trong hoạt động phát điện.

2.3. Bảo trì công trình xây dựng: Nhà máy đã thực hiện đào xúc, khơi thông hệ thống rãnh thoát nước một số tuyến đường vận hành, một số vị trí rãnh thoát nước mái cơ Nhà máy; Vệ sinh nội ngoại thất Nhà máy tại những vị trí, khu vực phù hợp,...Phối hợp, giám sát với đơn vị dịch vụ thực hiện: Khơi thông kênh xả hạ lưu nhà máy; mở rộng, sửa chữa, cải tạo, làm hàng rào nơi ở và làm việc cho cán bộ công nhân viên; xây dựng xưởng gia công cơ khí; bảo trì hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành; phát quang tuyến đường dây 35kV; Xúc dọn các hạng mục công trình bị thiệt hại sau mùa mưa bão; Trồng cỏ mái cơ đập chính và mái hạ lưu đập phụ nhà máy; Quan trắc biến dạng chu kỳ 2 và đánh giá trạng thái hạng mục công trình; Sơn bảo trì hệ thống thiết bị nhà máy.

2.4. Công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ tiểu tu và bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của nhà máy: Công ty đã tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị

phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và sửa chữa thường xuyên đáp ứng theo kế hoạch. Thiết bị mua sắm đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ phục vụ trong quá trình sửa chữa.

2.5. Công tác đầu tư xây dựng: Đã hoàn thành xây dựng khu nhà ở tập thể 12 gian và 06 gian cùng hệ thống hạ tầng sân vườn, điện nước; Hoàn thành xây dựng sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông; Hiện tại Công ty đã và đang xây dựng, hoàn thiện 2 dãy nhà tổng cộng 18 gian theo kế hoạch bổ sung được duyệt, đảm bảo nhu cầu làm việc, ăn ở và sinh hoạt cho CBCNV tại Nhà máy.

3. Công tác lao động, đào tạo, ASXH, hoạt động đoàn thể, môi trường

3.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2018 là: 117 người
- Thu nhập bình quân năm 2018 là 17,17 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Công tác đào tạo: Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho CBCNV, cụ thể: Khóa đào tạo huấn luyện nghiệp vụ hướng dẫn kỹ năng điều tra sự cố, tai nạn lao động, hội nghị tập huấn quy chế bảo vệ bí mật nhà nước, tập huấn công tác truyền thông và xử lý khủng hoảng truyền thông, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển đảo, đào tạo nâng cao tay nghề sửa chữa bảo dưỡng cho CBCNV, đào tạo phần mềm kế toán, tập huấn quy chế bảo vệ bí mật nhà nước và tập huấn an toàn vệ sinh lao động...với tổng kinh phí là 565,3 triệu đồng.

3.3. Công tác an sinh xã hội: Đối với công tác an sinh xã hội, bên cạnh chỉ đạo việc hỗ trợ thăm hỏi cán bộ CNVLD không may bị ốm đau, rủi ro tai nạn; công tác khuyến học khuyến tài, Công ty cũng đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc và động viên cán bộ CNVLD làm thêm giờ ủng hộ Xuân nghĩa tình Dầu khí và thực hiện chương trình ASXH, Mua vé ủng hộ đoàn nghệ thuật Công an nhân dân, Hỗ trợ UBND xã Đồng Văn tham dự Lễ hội Đền chín gian, Quỹ ủng hộ người nghèo năm 2018, Ủng hộ đồng bào và nhân dân Phía bắc bị ảnh hưởng Bão lụt, Ủng hộ đồng bào bản Mường Phú xã Thông Thụ, huyện Qué Phong bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3, Làm thêm Ủng hộ quỹ Tương trợ Dầu khí của Tập đoàn, Ủng hộ trường THPT huyện Con Cuông, Nghệ An khắc phục hậu quả cơn bão số 4...với số tiền 122.2 triệu đồng.

3.4. Hoạt động của các tổ chức Đoàn thể: Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty luôn luôn bám sát các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của Công ty, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mỗi tổ chức đồng thời phối hợp triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai học tập các Chỉ thị, Nghị quyết các cấp, đặc biệt là động viên cán bộ CNVLD tiếp tục triển khai có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...

3.5. Công tác an ninh, an toàn sức khỏe môi trường: Công tác đảm bảo an ninh trật tự; công tác an toàn vệ sinh lao động phòng cháy nổ tại nhà máy được HĐQT Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng; chỉ đạo duy trì chế độ trực ban đối với đội bảo vệ nhà máy nhất là trong các dịp nghỉ lễ, Tết; chủ động phối hợp với Công an huyện Quế Phong, Công an xã Đồng Văn và Bộ đội biên phòng để nắm chắc tình hình và có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo an ninh chính trị. Chỉ đạo phân xưởng Vận hành - Sửa chữa thực hiện nghiêm túc công tác đảm bảo AT-VSLĐ-PCCN; thường xuyên kiểm tra các phương tiện, thiết bị, vật liệu phòng cháy, chữa cháy để đảm bảo xử lý kịp thời khi có các tình huống xấu có thể xảy ra; hưởng ứng tích cực “Tuần lễ quốc gia AT-VSLĐ-PCCN”; lắp đặt đầy đủ các biển báo, biển chỉ dẫn, khẩu hiệu thực hiện ATLĐ, đúng quy trình; trang bị đầy đủ đúng chủng loại các phương tiện bảo vệ cá nhân cho CNLĐ như quần áo, mũ, dày, ủng bảo hộ...; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Kết quả năm 2018 không có tai nạn lao động, cháy nổ, mất an ninh trật tự, môi trường làm việc thân thiện, an toàn góp phần quan trọng để vận hành nhà máy an toàn, ổn định.

4. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác

4.1. Công tác quyết toán: Sau khi hoàn thành quyết toán vốn giai đoạn 1 với giá trị 6.474,3 tỷ đồng, cuối năm 2018 Công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán vốn bổ sung với giá trị đạt 187,8/256,5 tỷ đồng. Phần việc còn lại với giá trị khoảng 68,7 tỷ đồng thuộc các nội dung Bồi thường tái định cư đang thực hiện dở dang và đang được Công ty tiếp tục thực hiện trong năm 2019.

4.2. Công tác bồi thường, Tái định cư còn lại.

- Hỗ trợ lương thực ổn định đời sống: Đã hoàn thành cấp phát lương thực với thời gian hỗ trợ theo quy định là 48 tháng, do các nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa hoàn thành công tác giao đất. Về việc tiếp tục hỗ trợ lương thực cho người dân ngoài thời gian 48 tháng Công ty đang báo cáo các cấp thẩm quyền chỉ đạo.

- Bồi thường do đối trừ giá trị đất tại nơi đi và nơi đến: Đã hoàn thành chi trả bồi thường và quyết toán kinh phí đối trừ đất thổ cư tại 8/13 điểm tái định cư với giá trị 9,22 tỷ đồng và hoàn thành phương án bồi thường đối trừ đất thổ cư đang tiến hành chi trả tại 02/5 điểm tái định cư còn lại.

- Công tác giao đất tái định cư: Đã hoàn thành giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa cho 23/78 hộ của điểm tái định cư tiếp theo (điểm thứ 12/13 điểm tái định cư); Tại 8 điểm TĐC đã có ruộng lúa nước, thực hiện hỗ trợ phục hóa đã hoàn thành hỗ trợ, giao đất tại 7/8 điểm TĐC; Tại 5 điểm tái định cư phải xây dựng đồng ruộng đã hoàn thành giao đất lúa nước cho 4/5 điểm tái định cư phải xây dựng đồng ruộng.

- Đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm và lâu năm khác:Đã hoàn thành giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm và lâu năm khác ngoài thực địa tại 13/13 điểm tái định cư. Hiện tại còn đang vướng mắc một phần diện tích đã giao còn rừng, UBND tỉnh đang yêu cầu tìm diện tích khác không có rừng giao thay thế.

5. Tình hình tài chính:

Với tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 thuận lợi, do vậy tình hình tài chính của Công ty hiện đang được đảm bảo, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	%
1	Tài sản ngắn hạn	259.358.565.978	362.743.096.925	139,86%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	190.207.431.637	149.539.905.743	78,62%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	42.000.000.000	840,00%
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	61.139.553.018	152.033.294.398	248,67%
-	Hàng tồn kho	3.011.581.323	19.094.151.105	634,02%
-	Tài sản ngắn hạn khác	-	75.745.679	-
2	Tài sản dài hạn	4.602.252.607.075	4.345.031.413.947	94,41%
-	Tài sản cố định	4.402.173.644.923	4.143.163.240.616	94,12%
-	Tài sản dở dang dài hạn	190.365.121.132	193.363.011.101	101,57%
-	Tài sản dài hạn khác	9.713.841.020	8.505.162.230	87,56%
	Tổng tài sản (1+2)	4.861.611.173.053	4.707.774.510.872	96,84%
3	Nợ phải trả	2.609.571.653.422	2.241.730.771.634	85,90%
-	Nợ ngắn hạn	545.916.722.691	621.063.415.966	113,77%
-	Nợ dài hạn	2.063.654.930.731	1.620.667.355.668	78,53%

Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2018, Tổng tài sản của Công ty là hơn 4.707 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2017. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 39,83%, tài sản dài hạn giảm 5,59%.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng lớn 78,62%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho.

Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2018, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 2.241 tỷ đồng giảm so với năm 2017, bao gồm:

- Nợ vay Ngân hàng: 2.079 tỷ đồng;
- Nợ các nhà thầu: 81 tỷ đồng;
- Các khoản nợ phải trả khác: 81 tỷ đồng.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán)

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

a. Các chỉ tiêu chính:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,64
2	Chỉ tiêu tài chính		
-	<i>Tổng doanh thu</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>710,39</i>
-	<i>Tổng chi phí</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>648,87</i>
-	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>61,52</i>
-	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>58,44</i>
-	<i>Hệ số nợ/vốn điều lệ</i>	<i>lần</i>	<i>1,01</i>
-	<i>Tỷ suất lợi nhuận/VĐL (tạm tính)</i>	<i>%</i>	<i>2,73</i>
3	Đào tạo (320 lượt người)	Tỷ đồng	1,41
4	Giá thành	Đồng/kWh	997,3
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	158,02
6	Lao động	Người	117
7	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	26,98

b. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na an toàn, ổn định. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để thực hiện phát điện đạt doanh thu cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.
- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm.
- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, giải ngân đối với công nợ còn lại trong công tác đầu tư.
- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, CCDC, trang thiết bị văn phòng,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm, tình trạng mua mới thiết bị, vật tư tồn kho để lập kế hoạch mua sắm phù hợp theo các quy định hiện hành.
- Tổ chức thực hiện công tác trung tu Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua.
- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo thu nhập và chế độ, chính sách cho người lao động.
- Tái cấu trúc bộ máy, rà soát lại đội ngũ lao động theo hướng tinh gọn đầu mối và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Rà soát, cắt giảm, tiết giảm tối đa các khoản chi phí, chỉ thực hiện những hạng mục nào thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả thực chất.
- Làm việc cụ thể với ngân hàng VDB về phương án giãn thời gian trả nợ theo đúng các quy định, cân đối dòng tiền đảm bảo đủ cho hoạt động SXKD và kế hoạch trả nợ.
- Triển khai thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP).
- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Các nội dung khác theo yêu cầu thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, vật tư, thiết bị.

- Kế hoạch sửa chữa định kỳ: Thực hiện trung tu Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo tiến độ, yêu cầu kỹ thuật dự kiến từ 25/2 đến 15/4/2019; Lập phương án, dự toán chi phí và các thủ tục liên quan để chuẩn bị cho công tác bảo dưỡng sửa chữa năm 2020.

- Mua sắm tài sản cố định: Để phục vụ nhu cầu quản lý vận hành nhà máy, năm 2019 đầu tư xây dựng các tài sản cố định: Xây dựng bổ sung dãy nhà ở 18 gian cho CBCNV vận hành tại Nhà máy cùng hạ tầng sân, điện nước liên quan;...

- Mua sắm tài sản cố định, vật tư, thiết bị bao gồm: Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng bắt buộc, vật tư dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên; Tiếp tục thực hiện hoàn thành mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác Trung tu năm 2019 Nhà máy đang triển khai thủ tục tại thời điểm năm 2018; Triển khai thủ tục mua sắm vật tư phục vụ tiểu tu năm 2020 và các vật tư thiết bị cần thiết khác đảm bảo đủ, chất lượng phù hợp với nhu cầu thực tế, hạn chế tồn kho để phục vụ trực tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na

Thực hiện hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư theo quy định của Nhà nước.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:

+ Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

+ Thăm hỏi, tặng quà đồng bào tái định cư thuộc dự án thủy điện Hòa Na trong các dịp lễ, tết.

+ Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn.

+ Tham gia các các trương trình xây dựng các công trình nhà cộng đồng, trường học tại vùng sâu vùng xa.

- Tham gia các sự kiện về môi trường như:

+ Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới;

+ Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

Để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý Công ty cần thực hiện các giải pháp sau:

1. Về phát triển nguồn nhân lực.

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

- Tổ chức giao lưu; tổ chức các buổi hội thảo theo từng chuyên đề liên quan với các đơn vị trong ngành hoặc đơn vị liên quan để trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa thực tế tại nhà máy.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành nhà máy.

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa rà soát để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra đối với thiết bị, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2019 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

3. Về công tác tài chính.

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.


- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng đối với các hạng mục còn lại của dự án.

4. Về công tác quản trị.

- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường việc quản lý, quản trị, chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề quan trọng trong sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, TCHC, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019**

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (PVPower HHC) báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2018 và mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 như sau:

Phần I:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. Tình hình sản xuất kinh doanh điện.

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính:

Năm 2018 tình hình thủy văn diễn biến tương đối thuận lợi, kết hợp giá điện thị trường trung bình tương đối cao, đồng thời nhà máy đã tính toán chào giá, điều tiết hồ chứa hợp lý và vận hành nhà máy an toàn, nên Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm, cân đối được tài chính của Công ty và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, góp phần vào thành công chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2018 đạt được như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4/5)
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650,35	808,17	124%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46	883,23	134%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	662,09	101%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	221,14	3184%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	217,42	3134%
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	138,44	193,87	140%
7	Giá điện bình quân (chưa bao gồm các thuế, phí)	đ/kWh	903,08	948,89	105%

2. Đánh giá thực hiện SXKD, quản lý vận hành.

2.1 Về sản lượng điện, doanh thu.

Trong năm 2018 tình hình thủy văn diễn biến tương đối thuận lợi tương tự năm 2017 và tốt hơn nhiều so với các năm trước liền kề cùng thời điểm, kết hợp giá điện thị trường trung bình tương đối cao, đồng thời nhà máy đã tính toán chào giá, điều tiết hồ chứa hợp lý và vận hành nhà máy an toàn, nên Công ty đã đạt tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm đề ra, cụ thể:

- Ngày 07/10/2018 sản lượng điện Nhà máy thủy điện Hòa Na đã đạt 651,5/650,3 triệu kwh, hoàn thành 100% kế hoạch năm, doanh thu trước thuế phí đạt 601,9/587,3 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm. Như vậy Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu trước 85 ngày.

- Kết thúc năm 2018 Nhà máy đã hoàn thành vượt sản lượng điện 24% (vượt sản lượng điện theo thiết kế), tổng doanh thu vượt 34%, lợi nhuận trước thuế tăng 214,94 tỷ đồng so với kế hoạch. Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2018 của Công ty là: 138,67 tỷ đồng.

Mặc dù sản lượng điện năm 2018 phát lớn, nhưng đến ngày 31/12/2018 mực nước hồ Nhà máy thủy điện Hòa Na vẫn được tính toán để đạt cao trình ~240m, đáp ứng nhu cầu cho SXKD năm 2019 được thuận lợi.

2.2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đầu tư xây dựng.

a/ Công tác vận hành: Năm 2018 nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, phù hợp với chiến lược kinh doanh của Nhà máy trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

b/ Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Hoàn thành công tác Tiểu tu 2 tổ máy từ ngày 01/4 đến ngày 30/4/2018 đúng tiến độ, các hệ thống thiết bị sau bảo dưỡng đạt yêu cầu về kỹ thuật, đáp ứng các tiêu chí về vận hành trong hoạt động phát điện.

c/ Bảo trì công trình xây dựng: Năm 2018 Nhà máy đã thực hiện đào xúc, khơi thông hệ thống rãnh thoát nước một số tuyến đường vận hành, một số vị trí rãnh thoát nước mái cơ Nhà máy; Vệ sinh nội ngoại thất Nhà máy tại những vị trí, khu vực phù hợp,...Phối hợp, giám sát với đơn vị dịch vụ thực hiện: Khơi thông kênh xả hạ lưu nhà máy; mở rộng, sửa chữa, cải tạo, làm hàng rào nơi ở và làm việc cho cán bộ công nhân viên; xây dựng xưởng gia công cơ khí; bảo trì hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành; phát quang tuyến đường dây 35kV; Xúc dọn các hạng mục công trình bị thiệt hại sau mùa mưa bão; Trồng cỏ mái cơ đập chính và mái hạ lưu đập phụ nhà máy; Quan trắc biến dạng chu kỳ 2 và đánh giá trạng thái hạng mục công trình; Sơn bảo trì hệ thống thiết bị nhà máy.

d/ Công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ tiểu tu và bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của nhà máy: Trong năm 2018 Công ty đã tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và sửa chữa thường xuyên đáp ứng theo kế hoạch. Thiết bị mua sắm đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ phục vụ trong quá trình sửa chữa.

e/ Đầu tư xây dựng: Đã hoàn thành xây dựng khu nhà ở tập thể 12 gian và 06 gian cùng hệ thống hạ tầng sân vườn, điện nước; Hoàn thành xây dựng sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông; xây dựng 2 dãy nhà tổng cộng 18 gian theo kế hoạch bổ sung được duyệt, đảm bảo nhu cầu làm việc, ăn ở và sinh hoạt cho CBCNV tại Nhà máy.

II. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác.

1. Công tác tài chính.

Với tình hình thủy văn diễn biến thuận lợi và giá thị trường năm 2018 tương đối cao nên doanh thu từ bán điện đạt cao hơn kỳ vọng, do vậy tình hình cân đối tài chính của Công ty hiện đang được đảm bảo.

Đối với công tác trả nợ vốn đầu tư dự án, công tác trả nợ các hợp đồng tín dụng của Công ty đến ngày 31/12/2018 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Hợp đồng	Lãi suất áp dụng hiện tại	Thời gian trả nợ gốc	Giá trị vay Ngân hàng	Giá trị lãi vay đã trả	Giá trị tiền gốc đã trả	Nợ gốc còn lại	Lãi dự kiến còn lại đến hết nợ gốc
1	NH An Bình: HĐ số 124.12/HĐTD/ II ngày 17/12/2012	9,62%	T6/2015 -:- T12/2024	200,0	101,1	80,0	120,0	44,4
2	NH An Bình: HĐ số 182/16/TD -TT/II ngày 21/01/2016	9,10%	T7/2016 -:- T01/2025	300,0	32,6	12,5	287,5	114,9
3	NH Quân đội: HĐ số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009	10,50%	T2/2015 -:- T8/2024	328,8	193,0	34,9	293,9	84,0
4	NH TMCP Công thương (viettinbank) HĐ số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012	9,50%	T9/2014 -:- T6/2024	359,5	211,3	161,7	197,8	53,0
5	NH Đầu tư phát triển VN HĐ số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	6,9%; 9,6%; 8,55%	T1/2013 -:- T12/2022	2.240,0	1.115,8	1.075,7	1.164,3	177,4
6	NH Đầu tư phát triển VN HĐ số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	11%	T1/2013 -:- T02/2018	411,0	228,8	411,0	0,0	0,0
	Tổng cộng			3.839,3	1.882,5	1.776,0	2.063,3	473,8

2. Công tác quyết toán:

Sau khi hoàn thành quyết toán vốn giai đoạn 1 với giá trị 6.474,3 tỷ đồng, cuối năm 2018 Công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán vốn bổ sung với giá trị đạt 187,8/256,5 tỷ đồng. Phần việc còn lại với giá trị khoảng 68,7 tỷ đồng thuộc các nội dung Bồi thường tái định cư đang thực hiện dở dang và đang được Công ty tiếp tục thực hiện trong năm 2019.

3. Công tác bồi thường tái định cư còn lại.

a/ Hỗ trợ lương thực ổn định đời sống:

Đến năm 2017 đã hoàn thành cấp phát lương thực với thời gian hỗ trợ theo quy định là 48 tháng. Tuy nhiên, do các nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa hoàn thành công tác giao đất, vì vậy địa phương đang yêu cầu tiếp tục hỗ trợ lương thực cho người dân ngoài thời gian 48 tháng theo quy định. Hiện tại nội dung này Công ty đang báo cáo các cấp thẩm quyền chỉ đạo.

b/ Bồi thường do đổi trừ giá trị đất tại nơi đi và nơi đến:

Đến hết năm 2018 đã hoàn thành chi trả bồi thường và quyết toán kinh phí đổi trừ đất thổ cư (đất ở và đất vườn liền kề) tại 8/13 điểm tái định cư với giá trị 9,22 tỷ đồng và hoàn thành phương án bồi thường đổi trừ đất thổ cư đang tiến hành chi trả tại 02/5 điểm tái định cư còn lại.

c/ Công tác giao đất tái định cư:

***) Giao đất lâm nghiệp:**

Đã hoàn thành giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa cho 23/78 hộ của điểm tái định cư tiếp theo (điểm thứ 12/13 điểm tái định cư).

***) Giao đất trồng lúa nước:**

- Tại 8 điểm tái định cư đã có ruộng lúa nước, thực hiện hỗ trợ phục hóa: Đã hoàn thành hỗ trợ, giao đất tại 7/8 điểm tái định cư, còn lại điểm Pù Sai Cánh giao đất đạt 40/82 hộ (48%). Hiện tại đang tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân để hoàn thành giao phần còn lại tại điểm Pù Sai Cánh

- Tại 5 điểm tái định cư phải xây dựng đồng ruộng: Đã hoàn thành giao đất lúa nước cho 4/5 điểm tái định cư phải xây dựng đồng ruộng. Còn lại 01 điểm tái định cư Huôi Siu - Huôi Lạn đã hoàn thành thi công và bàn giao cho UBND huyện, UBND huyện đang vận động nhân dân nhận ruộng để canh tác.

***) Đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm và lâu năm khác:**

Đã hoàn thành giao đất ngoài thực địa tại 13/13 điểm tái định cư. Tổng diện tích đã giao là 974,35 ha cho 878 hộ; bình quân 1,11 ha/hộ. Hiện tại còn đang vướng mắc một phần diện tích đã giao còn rừng, UBND tỉnh đang yêu cầu tìm diện tích khác không có rừng giao thay thế.

d/ Công tác sửa chữa, khắc phục các hệ thống cấp nước:

Hiện tại một số hệ thống cấp nước qua thời gian sử dụng lâu dài, thời gian sử dụng UBND huyện chưa có phương án bảo trì, bảo dưỡng phù hợp nên tiếp tục xuống cấp và các bên đang tìm phương án xử lý phù hợp.

4. Lao động, tiền lương.

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là: 117 người với cơ cấu lao động: 100 lao động nam và 17 lao động nữ; lao động có trình độ trên Đại học: 04 người; Đại học: 50 người; cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật: 58 người; LĐPT: 05 người; Độ tuổi bình quân là 34. Cụ thể: Về Hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 07 người chiếm 5,9%; HĐLĐ không xác định thời hạn: 46 người chiếm 39,3%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 64 người chiếm 54,8%; Có 46 đảng viên chiếm 39,3% tổng số.

Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2018 là 17,17 triệu đồng/người/tháng.

5. Công tác đào tạo.

Năm 2018, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho CBCNV, cụ thể: Khóa đào tạo huấn luyện nghiệp vụ hướng dẫn kỹ năng điều tra sự cố, tai nạn lao động, hội nghị tập huấn quy chế bảo vệ bí mật nhà nước, tập huấn công tác truyền thông và xử lý khủng hoảng truyền thông, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển đảo, đào tạo nâng cao tay nghề sửa chữa bảo dưỡng cho CBCNV, đào tạo phần mềm kế toán, tập huấn quy chế bảo vệ bí mật nhà nước và tập huấn an toàn vệ sinh lao động...với tổng kinh phí là 565,3 triệu đồng.

6. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức toàn thể.

Đối với công tác an sinh xã hội, bên cạnh chỉ đạo việc hỗ trợ thăm hỏi cán bộ CNVLD không may bị ốm đau, rủi ro tai nạn; công tác khuyến học khuyến tài, Ban Giám đốc Công ty cũng đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc và động viên cán bộ CNVLD làm thêm giờ ủng hộ Xuân nghĩa tình Dầu khí và thực hiện chương trình ASXH, Mua vé ủng hộ đoàn nghệ thuật Công an nhân dân, Hỗ trợ UBND xã Đồng Văn tham dự Lễ hội Đền chín gian, Quỹ ủng hộ người nghèo năm 2018, Ủng hộ đồng bào và nhân dân Phía bắc bị ảnh hưởng Bão lụt, Ủng hộ đồng bào bản Mường Phú xã Thông Thụ, huyện Quế Phong bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3, Làm thêm Ủng hộ quỹ Tương trợ Dầu khí của Tập đoàn, Ủng hộ trường THPT huyện Con Cuông, Nghệ An khắc phục hậu quả cơn bão số 4...với số tổng số tiền là 122.2 triệu đồng.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty luôn bám sát các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của Công ty, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mỗi tổ chức đồng thời phối hợp triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; triển khai học tập các Chỉ thị, Nghị quyết các cấp, đặc biệt là động viên cán bộ CNVLD tiếp tục triển khai có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...

7. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM T.

a/ Công tác an toàn vệ sinh lao động:

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền công tác ATVSLĐ-PCCN-BVMT cho các CBCNV trong Công ty; năm 2018 đã huấn luyện ATVSLĐ cho 115 người; huấn

luyện, cấp thẻ an toàn điện năm 2018 cho 59 người; tham gia đầy đủ các khoá huấn luyện của Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu khí, Sở LĐTBXH tổ chức.

- Đã thực hiện che chắn tại các vị trí nguy hiểm, độ tin cậy của các cơ cấu an toàn, chống nóng, chống bụi, chiếu sáng, thông gió, thoát nước ...; đã có các biện pháp che chắn cải thiện (chống nóng, chống ồn) điều kiện lao động cho các vị trí trực vận hành tại nhà máy – Lắp điều hòa, phòng kính tại vị trí trực thường xuyên giảm ồn, chống nóng; phân công trách nhiệm cụ thể trong công tác ATSKMT cho từng bộ phận, cá nhân, có chương trình kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và đề ra thời hạn hoàn thành cho từng công việc và trách nhiệm của từng bộ phận thực hiện, có báo cáo kết quả thực hiện cho Lãnh đạo Công ty theo dõi, đôn đốc, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; đã thực hiện việc cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc.

- Khám sức khỏe định kỳ năm 2018 cho 108 người (Loại I: 0; Loại II: 86; Loại III: 22; Loại IV: 0); Công ty đã thực hiện việc bồi dưỡng bằng hiện vật đầy đủ cho các CBCNV (Cấp sửa trực tiếp cho người lao động); Công ty có phòng Y tế, có cán bộ trực y tế, trang bị tủ thuốc cấp cứu, phương tiện cấp cứu tại chỗ như băng ca, nẹp và đã thực hiện diễn tập các tình huống cấp cứu thông dụng.

b/ Công tác PCCC:

- Đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-HHC ngày 22/3/2018 về việc kiện toàn Ban chỉ huy PCCC gồm 14 thành viên; Quyết định số 41/QĐ-HHC ngày 22/3/2018 về việc Kiện toàn Đội xung kích bảo vệ, tự vệ, phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu tình huống khẩn cấp, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn gồm 37 thành viên.

- Phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy ngoài hệ thống báo cháy tự động và hệ thống chữa cháy nước vách tường, Công ty còn trang bị bổ sung các bình bột và bình CO2 chữa cháy đặt tại các tầng, sàn của nhà máy.

- Công ty đã lập phương án PCCC của Nhà máy và được cảnh sát PCCC Nghệ An phê duyệt; năm 2017 đã phối hợp với trung tâm huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH tỉnh Nghệ An để huấn luyện và cấp chứng chỉ về PCCC cho 72 CBCNV; Công ty đã lập sổ theo dõi hoạt động PCCC; thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị điện theo chế độ định kỳ hàng năm; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, phương tiện PCCC hàng tháng kiểm tra, có phiếu kiểm tra các bình chữa cháy.

c/ Công tác quản lý môi trường:

- Công ty có giấy xác nhận số 44/GXN-TCMT ngày 09/6/2014 của Tổng cục Môi trường về việc xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na; việc quan trắc môi trường được Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Trường Sơn thực hiện với tần suất 02 lần/năm. Các thông số giám sát môi trường theo tiêu chuẩn so sánh QCVN 08:2008/BTNMT như: pH, TSS, COD, Coliform, NO3, PO43-, DO, BOD5, Fe, Mn, Cl-; đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường tại sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 40.000287.T do Sở Tài nguyên và Môi

trường cấp ngày 19/3/2014; đã thực hiện ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường LILAMA (LILAMA EME); giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 515/GP-BTNMT ngày 17/3/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ; báo cáo về chất thải nguy hại gửi sở TNMT tỉnh Nghệ An.

d/ Công tác ƯCTHKC, PCTT&TKCN năm 2018:

Công ty đã thực hiện kiện toàn Ban chỉ huy Ứng cứu các tình huống khẩn cấp, Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại Quyết định số 42/QĐ-HHC ngày 22/3/2018; đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ huy; đã xây dựng và phê duyệt quy trình ứng cứu tình huống khẩn cấp tại QĐ số 86/QĐ-HHC ngày 18/7/2017; Phương án PCTT&TKCN năm 2018 của Công ty đã ban hành tại Quyết định số 39/QĐ-HHC ngày 20/3/2018; đã ký hợp đồng số 06/2018/HĐ-HHC-BACTRUNGBO; ngày 05/2/2018 giữa Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na và Đài khí tượng Thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ về việc cung cấp các bản tin dự báo khí tượng thủy văn phục vụ quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2018; Công ty đã ký quy chế phối hợp với Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Nghệ An, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thanh Hoá, huyện Quế Phong, Công ty TNHH MTV sông Chu trong vận hành hồ chứa thủy điện Hòa Na; Phương án PCLB bảo đảm an toàn đập Bộ công thương đã phê duyệt tại Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 09/4/2018; đã lập phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập gửi UBND tỉnh Nghệ An tại công văn số 174/HHC-KTCN ngày 28/3/2018, công văn số 203/HHC-KTCN ngày 10/4/2018 gửi Sở NN&PTNT tỉnh Nghệ An; đã lập phương án bảo vệ đập gửi UBND tỉnh Nghệ An tại công văn số 178/HHC-KTCN ngày 29/3/2018, công văn số 200/HHC-KTCN ngày 10/4/2018 gửi Sở Công thương tỉnh Nghệ An; thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện Hòa Na theo Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 về việc ban hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực Sông Mã.

Phần II:

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SXKD NĂM 2019

I. Các nhiệm vụ chính:

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức quản lý vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na an toàn, ổn định. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để thực hiện phát điện đạt doanh thu cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm.

- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo

đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, giải ngân đối với công nợ còn lại trong công tác đầu tư.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, CCDC, trang thiết bị văn phòng,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm, tình trạng mua mới thiết bị, vật tư tồn kho để lập kế hoạch mua sắm phù hợp theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện công tác Trung tu Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua.

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo thu nhập và chế độ, chính sách cho người lao động.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Hoàn thành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, với tổng giá trị cổ phiếu 100 tỷ đồng.

- Và các nội dung khác theo yêu cầu thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2. Công tác đầu tư xây dựng.

- Phối hợp với UBND huyện hoàn thành dứt điểm các nội dung dự kiến còn lại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư như: Công tác giao đất, đối trừ đất,...

- Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

1. Các cơ sở tính toán:

a) Cơ sở tính toán sản lượng điện:

- Dự kiến mực nước hồ tại thời điểm 01/01/2019 xấp xỉ đạt cao trình 240m (mực nước dâng bình thường);

- Lưu lượng về hồ năm 2019 từ tháng 1 -:- 12 tạm tính bằng 85% trung bình nhiều năm (do thủy văn các năm có sự biến động lớn, do đó tạm tính lưu lượng bình quân từ năm 2013 đến nay)

- Sản lượng các tháng từ 1-:- 6 được tính toán trên cơ sở đưa mực nước hồ về 215m tại thời điểm 30/6/2019; sản lượng được phân bổ theo lưu lượng về hồ, diễn biến của giá thị trường dự kiến năm 2019 và kế hoạch sửa chữa năm 2019 (trung tu tổ máy H1, H2 từ 25/2 -:- 15/4/2019).

- Sản lượng các tháng 7-:-12 được tính toán đảm bảo khai thác tối đa lượng nước về hồ và đưa mực nước lên cao trình ~240m vào thời điểm 31/12/2019.

- Sản lượng điện Qc tính bằng sản lượng điện Qc năm 2018 để phù hợp với tình hình thực tế, tương đương 72% sản lượng bình quân nhiều năm trong hợp đồng mua bán điện).

Sản lượng điện năm 2019 tính toán trên cơ sở lưu lượng về hồ dự báo nhu trên. Trong quá trình vận hành, tùy thuộc vào tình hình thủy văn thực tế và giá thị trường Nhà máy sẽ điều chỉnh kế hoạch chạy máy cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

b) Cơ sở tính toán doanh thu:

Doanh thu tính toán trên giá bán điện, được dự kiến:

- Đối với giá thị trường:

+ Giá điện năng thị trường SMP từ tháng 1/2019 đến tháng 6/2019 lấy trung bình các tháng tương ứng của 03 năm từ 2016 đến năm 2018; từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019 lấy trung bình các tháng tương ứng của 03 năm từ 2015 đến năm 2017.

+ Giá công suất thị trường CAN lấy bằng giá CAN năm 2018.

+ Giá hợp đồng được tính theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 - Hợp đồng mua bán điện với giá định: Chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam năm 2018 tăng so với năm 2017 tối thiểu là 2,5% (bằng tỷ lệ tăng chi phí O&M).

c) Cơ sở tính toán chi phí:

- Chi phí hoạt động sản xuất: Chi phí hoạt động sản xuất được tính toán trên cơ sở chi phí định kỳ các năm đã thực hiện, đồng thời tính toán, cập nhật các chi phí, hạng mục phù hợp với tình hình hiện tại, dự kiến các công việc phải thực hiện tiếp theo để đảm bảo hiệu quả, an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chi phí khấu hao: Được tính toán theo quy định về khấu hao tài sản cố định.

- Chi phí lãi vay: Được xác định theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết và kế hoạch trả nợ cụ thể đối với từng ngân hàng.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh điện:

➤ Sản lượng điện thương mại	: 650,64 triệu kWh.
➤ Chỉ tiêu tài chính:	
- Vốn điều lệ	: 2.256,59 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu :	: 710,39 tỷ đồng.
+ Doanh thu từ sản xuất điện	: 619,24 tỷ đồng.
+ Doanh thu tài chính	: 3,00 tỷ đồng
+ Thu phí tài nguyên nước; thuế môi trường; phí quyền khai thác nước mặt theo NĐ82/2017/NĐ-CP)	: 88,16 tỷ đồng.
- Tổng chi phí	: 648,87 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	: 61,52 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	: 58,44 tỷ đồng.
- Hệ số nợ/vốn điều lệ	: 1,01 lần (tạm tính).
- Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	: 2,73 %
➤ Đào tạo (320 lượt người)	: 1,41 tỷ đồng.
➤ Giá thành (trước thuế phí)	: 861,79 đồng/kwh.
➤ Nộp ngân sách nhà nước	: 158,02 tỷ đồng.

- Lao động : 117 người.
- Quỹ tiền lương : 26,98 tỷ đồng (Quỹ tiền lương tạm tính, quỹ lương sẽ được chính xác sau khi Tổng Công ty có nghị quyết giao riêng).

3. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, vật tư vật liệu phục vụ SXKD.

- Kế hoạch sửa chữa định kỳ: Thực hiện trung tu Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo tiến độ, yêu cầu kỹ thuật từ 25/2 -:- 15/4/2019; Lập phương án, dự toán chi phí và các thủ tục liên quan để chuẩn bị cho công tác bảo dưỡng sửa chữa năm 2020 (dự kiến tiểu tu).

- Mua sắm tài sản cố định: Để phục vụ nhu cầu quản lý vận hành nhà máy, năm 2019 đầu tư xây dựng các tài sản cố định: Xây dựng bổ sung dãy nhà ở 18 gian cho CBCNV vận hành tại Nhà máy cùng hạ tầng sân, điện nước liên quan;...

- Mua sắm tài sản cố định, vật tư, thiết bị bao gồm: Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng bắt buộc, vật tư dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên; Tiếp tục thực hiện hoàn thành mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác Trung tu năm 2019 Nhà máy đang triển khai thủ tục tại thời điểm năm 2018; Triển khai thủ tục mua sắm vật tư phục vụ tiểu tu năm 2020 và các vật tư thiết bị cần thiết khác đảm bảo đủ, chất lượng phù hợp với nhu cầu thực tế, hạn chế tồn kho để phục vụ trực tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na: Thực hiện hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư theo quy định của Nhà nước.

III. Giải pháp thực hiện KH 2019:

1. Giải pháp trong sản xuất kinh doanh điện.

- Vận hành an toàn hiệu quả nhà máy thủy điện Hòa Na. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành nhà máy, kịp thời thay thế phụ tùng, thiết bị ngay khi có dấu hiệu hư hỏng không thể sửa chữa.

- Nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ vận hành nhằm chủ động hơn trong quá trình vận hành và các kỳ bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ của nhà máy. Tổ thị trường tiếp tục phát huy, nâng cao hơn nữa chuyên môn nghiệp vụ, nghiên cứu sâu thị trường để phán đoán, đưa ra giá chào hợp lý đem lại lợi nhuận cao nhất cho công ty. Nâng cao tinh thần học hỏi, hoàn thiện và phát huy năng lực trong mỗi cán bộ công nhân viên phù hợp với vị trí nhiệm vụ được giao. Khuyến khích CBCNV tích cực tự học hỏi, nghiên cứu nâng cao năng lực, tay nghề qua việc vận hành nhà máy; lưu ý học hỏi kinh nghiệm qua các lần tiểu tu, trung tu, đại tu do các đơn vị đến thực hiện để nâng cao hiểu biết trong công tác vận hành nhà máy.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, công cụ dụng cụ, trang thiết bị văn phòng phù hợp nhu cầu sử dụng thực tế trong năm. Thường xuyên kiểm tra đảm bảo an ninh tại nơi ở, nơi làm việc, khu vực thuộc sự quản lý của công ty.

2. Giải pháp hoàn thành công tác bồi thường tái định cư còn lại.

- Phối hợp với UBND huyện hoàn thành dứt điểm các nội dung dự kiến còn lại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư như: Công tác giao đất, bồi trừ đất, sửa chữa hệ thống nước,...

- Chuẩn bị nguồn tài chính để đảm bảo chủ động, thanh toán kịp thời cho các hạng mục bồi thường tái định cư.

Phần III:

KIẾN NGHỊ

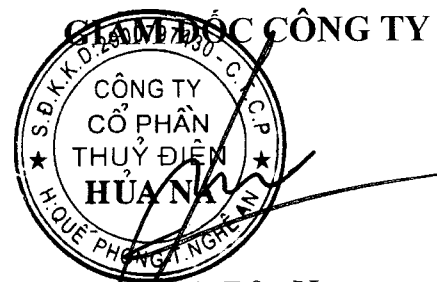
Để sớm hoàn thành các nội dung còn lại trong công tác bồi thường tái định cư, góp phần tập trung tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt/vượt các chỉ tiêu đề ra, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na kiến nghị Tổng Công ty/HĐQT tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ Công ty làm việc với UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Quế Phong để tháo gỡ các khó khăn, tồn tại còn lại trong công tác Bồi thường, tái định cư còn lại.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018, các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kg;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Các PGĐ (th/h);
- Các Phòng ban/Phân xưởng (th/h);
- Lưu VT.



Trịnh Bảo Ngọc

Nghệ An, ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

Kính gửi:

- Quý vị Cổ đông
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na và Kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2019, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na kính báo cáo quý vị Cổ đông về kết quả công tác năm 2018 của Ban Kiểm soát như sau:

I. Các căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na được sửa đổi lần 9 ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/4/2018;
- Quy chế làm việc của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na số 04/BKS-HHC ngày 29/6/2018;
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018 của Công ty.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2018 gồm các thành viên:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Bà Trần Thị Thu Hà | - Trưởng ban |
| 2. Ông Văn Tuấn Thạch | - Thành viên |
| 3. Bà Phạm Thị Minh Tâm | - Thành viên |

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018, trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Tiến hành kiểm tra định kỳ tình hình hoạt động thực tế tại Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.

- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, và có ý kiến về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

- Thẩm định báo cáo tài chính Công ty năm 2018 (Phối hợp với đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 kiểm tra rà soát sổ sách kế toán, tài chính năm 2018 của Công ty).

III. Đánh giá về hoạt động Công ty trong năm 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty đã vận hành nhà máy điện an toàn, sản lượng điện thực hiện được 808,17 triệu kWh, tăng 24,3% so với kế hoạch, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Tỷ lệ doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2018 so với 2017 và so với kế hoạch năm 2018:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2017	KH năm 2018	Năm 2018	Tỷ lệ %	
					(1)	(2)
I	Tổng doanh thu	656.37	661.96	883.23	133%	135%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	653.29	660.46	875.06	132%	134%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	3.07	1.50	7.36	491%	240%
3	Thu nhập khác	0.00		0.81		27542%
III	Tổng chi phí	640,49	653,49	662,09	101%	103%
1	Chi phí sản xuất điện	407,55	429,57	445,23	104%	109%
2	Chi phí tài chính	232,57	223,92	216.68	97%	93%
3	Chi phí khác	0.37		0.18		50%
IV	Lợi nhuận trước thuế TNDN	15.88	6.96	221.14	3173%	1393%
	Thuế TNDN	-		3.73		
V	Lợi nhuận sau thuế	15.88	6.96	217.42	3118%	1369%
VI	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135.17	138.44	182,20	132%	135%

Nhận xét:

Năm 2018, Công ty đã vận hành nhà máy an toàn, ổn định, các chỉ tiêu đều đạt so với kế hoạch được duyệt. Giá thành sản xuất điện năng thực hiện trong năm thấp hơn so với kế hoạch được giao.

Tổng Doanh thu đạt 133% so với kế hoạch (883,23/661,96 tỷ đồng), trong đó Doanh thu bán điện đạt 132% (875,06/660,46 tỷ đồng), doanh thu tài chính đạt 490% (7,36/1,50 tỷ đồng).

Tổng Chi phí đạt 101% so với kế hoạch (662,09/653,49 tỷ đồng), trong đó Chi phí sản xuất điện đạt 104% (445,23/429,57 tỷ đồng) điều này là do sản lượng tăng 24,3% so với kế hoạch dẫn đến chi phí thuế tài nguyên và phí môi trường rừng cũng tăng lên tương ứng; Chi phí tài chính đạt 97% (216,68/223,92 tỷ đồng).

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 221,14 tỷ đồng đạt 3171% kế hoạch năm.

Nộp ngân sách nhà nước năm 2018 là 182,20 tỷ đồng, tăng 32% so với kế hoạch và tăng 35% so với cùng kỳ năm 2017.

Kết quả đạt được như trên chủ yếu do các nguyên nhân chính như sau:

- Điều kiện khí tượng thủy văn 2018 tốt hơn so với các năm trước.
- Lãi suất ngân hàng trong năm 2018 ổn định, dẫn đến chi phí tài chính giảm so với kế hoạch (do kế hoạch dự kiến lãi suất tăng).

Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì và tăng cường việc quản trị chi phí và có chiến lược điều tiết hồ chứa, khai thác tối ưu hiệu quả của nguồn nước để đảm bảo mục nước hồ cho năm 2019.

2. Về Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty:

Báo cáo kiểm toán số: 11/2019/BCKT/PKF-NHN ngày 04/3/2019 của Công ty TNHH PKF Việt Nam đã đánh giá các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

a) Về tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 4.707,77 tỷ đồng giảm 3,16% so với thời điểm đầu năm 2018, do một số nguyên nhân sau:

- Tài sản dài hạn giảm 257,22 tỷ đồng (giảm 5,59%) so với đầu năm 2018:
- + Tài sản cố định giảm 5,88% (259,10 tỷ đồng) so với thời điểm đầu năm do phân khấu hao lũy kế tăng.
- + Tài sản dở dang dài hạn tăng 1,57% (2,99 tỷ đồng) so với đầu năm do tăng phần chi phí đầu tư xây dựng.

+ Tài sản dài hạn khác giảm 12,44% (1,2 tỷ đồng) so với đầu năm do chi phí thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn giảm.

b) Về nợ phải trả:

So với thời điểm 01/01/2018, nợ phải trả giảm 367,84 tỷ đồng (giảm 14,10%), cụ thể do:

- Nợ ngắn hạn tăng 75,16 tỷ đồng (tăng 13,77%) so với đầu năm chủ yếu do tăng các khoản phải trả cho người lao động và các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- Nợ dài hạn giảm 442,98 tỷ đồng (giảm 21,47%) so với đầu năm do chủ yếu giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

c) Về chi phí:

Tổng chi phí trong quá trình sản xuất của Công ty đến ngày 31/12/2018 là: 662,09 tỷ đồng, trong đó:

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>(5)=(4)-(3)</i>	<i>(6)=(4)/(3)</i>
I	Chi phí hoạt động sản xuất	85,65	74,27	(11,37)	86,72%
1	Chi phí tiền lương và trích nộp theo lương	25,41	29,96	4,55	117,89%
2	Chi phí vật liệu	12,59	5,70	(6,89)	45,25%
3	Chi phí công cụ dụng cụ	2,67	2,28	(0,39)	85,35%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	27,87	21,79	(6,08)	78,17%
5	Chi phí bằng tiền khác	17,10	14,55	(2,55)	85,08%
II	Chi phí khấu hao	270,79	263,56	(7,22)	97,33%
III	Lãi vay hợp đồng tín dụng	223,92	216,68	(7,23)	96,77%
IV	Thuế TN, phí MTR	73,14	107,39	34,26	146,84%
V	Chi phí khác	-	0,18	0,18	
	Tổng cộng	653,49	662,09	8,61	101,32%

Chi phí hoạt động sản xuất giảm 13,28% (11,37 tỷ) so với kế hoạch, chủ yếu do tất cả các chi phí giảm, tuy nhiên chi phí tiền lương và trích nộp theo lương tăng 17,9% (4,55 tỷ đồng). Chi phí tiền lương và trích nộp theo lương được phê duyệt theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT-HHC ngày 17/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Quản lý vật tư xuất dùng: Trong năm 2018, Công ty thực hiện ghi nhận khoản chênh lệch 12,6 tỷ giữa giá trị theo dõi xuất kho và giá trị vật tư xuất dùng thực tế, hạch toán vào mục tài sản thừa chờ xử lý. Công ty đang thành lập hội đồng để xử lý hạng mục tài sản này.

d) Một số chỉ tiêu tài chính:

- Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2018:

$$\frac{\text{Vốn CSH cuối năm}}{\text{Vốn CSH đầu năm}} = \frac{2.466.043.739.238}{2.252.039.519.631} = 1,10$$

Hệ số bảo toàn vốn CSH = 1,10 > 1, về cơ bản đơn vị đã quản lý và bảo toàn vốn của chủ sở hữu.

Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu:

$$\frac{\text{Lợi nhuận thực hiện}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{217.416.073.774}{2.252.039.519.631} = 9,65\%$$

Tỷ suất lợi nhuận mặc dù còn thấp nhưng về cơ bản đã tăng hơn nhiều so với năm 2017 (0,42%).

Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{362.743.096.925}{621.063.415.966} = 0,58$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn năm 2018 cho thấy khó khăn đối với đơn vị trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn kịp thời.

4. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong năm 2018 đã hoàn thành theo kế hoạch đầu tư Khu nhà ở 12 phòng, nhà ở 6 phòng và các công trình liên quan (khu 2) và các công trình liên quan phục vụ CBCNV làm việc và sinh hoạt tại nhà máy. Tổng giá trị hợp đồng đã ký là 8,06 tỷ đồng.

5. Về công tác quyết toán vốn dự án:

- Quyết toán giai đoạn 1: Quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được các cổ đông chấp thuận phê duyệt.

- Quyết toán phần còn lại: Công ty đã hoàn thành quyết toán vốn bổ sung đến 28/2/2019 đạt 190,08 tỷ đồng, giá trị còn lại khoảng 65,7 tỷ đồng thuộc các hạng mục bồi thường tái định cư có liên quan đến các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chủ trương chính sách của Nhà nước và địa phương nên chưa có cơ sở để thực hiện. Để giải quyết dứt điểm các nội dung còn lại này có thể mất rất nhiều thời gian và cần có sự phối hợp kịp thời từ các cấp chính quyền/Ban ngành của Địa phương và Trung ương. Trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na sẽ tiếp tục tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và báo cáo sau khi hoàn thành đối với phần còn lại này.

6. Công tác huy động vốn và sử dụng vốn:

Tình hình thực hiện các hợp đồng tín dụng đến 31/12/2018:

ST T	Hợp đồng	Hạn mức tín dụng/Dư nợ	Lũy kế số đã giải ngân	Lũy kế số đã trả gốc đến 31/12/2018	Dư nợ đến 31/12/2018
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/I ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000.000.000	200.000.000.000	70.000.000.000	130.000.000.000
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000.000.000	300.000.000.000	12.515.440.000	287.484.560.000
3	HĐ tín dụng số 09.001.286688. TD ngày 18/8/2009 (NHQD)	328.784.000.000	328.784.000.000	34.931.070.824	293.852.929.176
4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐT D-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	371.216.000.000	359.535.118.976	161.784.000.000	197.751.118.976
5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐT ĐĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000.000.000	2.240.000.000.000	1.075.740.257.421	1.164.259.742.579
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	411.000.000.000	411.000.000.000	411.000.000.000	0
	Tổng cộng	3.851.000.000.000	3.839.319.118.976	1.765.970.768.245	2.073.348.350.731

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện tất toán Hợp đồng tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT với Ngân hàng phát triển theo thứ tự ưu tiên thanh toán trước đối với những Hợp đồng tín dụng lãi suất cao.

Với dư nợ tại 31/12/2018 là 2.079.771.748.792 đồng, bao gồm 2.073.348.350.731 đồng của các HĐ tín dụng dài hạn và 6.423.398.061 đồng vay ngắn hạn. Theo kế hoạch trả nợ của các hợp đồng tín dụng, áp lực trả nợ gốc và lãi vay đối với Công ty trong 02 năm tới là rất lớn, phụ thuộc rất lớn vào nguồn thu từ bán điện. Trong điều kiện nguồn thu từ bán điện ổn định, từ năm 2021 trở đi, áp lực trả nợ sẽ giảm xuống.

Giá trị tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty đến 31/12/2018 là 191,5 tỷ đồng trong đó có 42 tỷ đồng được gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7%/năm.

7. Hoạt động quản trị và điều hành:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, tuân thủ Quy chế quản trị Công ty và các quy chế hoạt động đã ban hành.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành 04 Nghị quyết và 116 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định, chỉ thị của Ban giám đốc công ty đã kịp thời và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Thực hiện sửa đổi và ban hành mới một số các quy chế, quy định trọng yếu của công ty như: Sửa đổi điều lệ; Quy chế tài chính; Quy chế quản lý nợ; Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Website; Quy chế văn hóa doanh nghiệp; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Quy chế sửa chữa định kỳ thiết bị, công trình; Quy chế tuyển dụng, quản lý và sử dụng lao động và Quy chế thưởng an toàn.

8. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ (theo Quý), các quyết nghị HĐQT và các Quy chế, Qui định ... của Công ty khi ban hành cần được cung cấp kịp thời hơn cho các thành viên Ban kiểm soát.

9. Đánh giá về việc thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát và tuân thủ hoạt động đầu tư và SXKD:

Nhìn chung, công tác quản lý và điều hành của Công ty trong năm 2018, được thực hiện theo kế hoạch đề ra. Công ty đã xử lý/ thực hiện các kiến nghị Ban kiểm soát đã nêu cụ thể:

- Đối với việc thu hồi công nợ: Đã hoàn thành quyết toán A-B và thu hồi công nợ đối với nhà thầu 319 của Bộ Quốc Phòng (2,3 tỷ). Về chi phí hỗ trợ đồn biên phòng 515: UBND huyện Quế Phong đã điều chỉnh nội dung kinh phí hỗ trợ san nền đồn biên phòng xã Thông Thụ, là cơ sở để quyết toán chi phí theo giá trị thực tế của hạng mục.

- Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Công ty đã hoàn thành quyết toán bổ sung 160,64 tỷ đồng (trong tổng số 190,08 tỷ đồng giá trị quyết toán vốn bổ sung), còn khoảng 65,7 tỷ đồng đang được tiếp tục thực hiện.

- Hoàn thành tăng các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng điện và lợi nhuận 2018, có sự tăng trưởng và cải thiện về hiệu quả sản xuất kinh doanh so với thực hiện năm 2017

- Hoàn thành việc bàn giao đường dây 35kV.

Tuy nhiên, Ban Kiểm soát cũng lưu ý một số nội dung còn tồn tại như:

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho toàn bộ diện tích đất của nhà máy.

- Tiến độ hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn chậm.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát:

- Tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; quy chế tổ chức và hoạt động của BKS về việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; điều lệ công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định của công ty.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, hoạt động quyết toán dự án để kịp thời phát hiện các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện công tác theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành sản xuất kinh doanh điện của Công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được thông qua.

- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

- Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế/ quy định hiện hành.

V. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khẩn trương xem xét chỉ đạo, tập trung xử lý các nội dung:

1. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: tiếp tục thực hiện công tác đền bù tái định canh, định cư trên cơ sở đảm bảo tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMDT hiệu chỉnh lần 3 đã được duyệt.

2. Đối với việc quản lý theo dõi xuất – nhập kho vật tư thiết bị: cần có theo dõi và đối chiếu để điều chỉnh hạch toán kịp thời để khớp đúng số liệu theo dõi và tình trạng sử dụng vật tư thực tế, đảm bảo sử dụng vật tư thiết bị một cách tối

uu.

3. Tiếp tục làm việc với Đoàn biên phòng 515 để thu hồi khoản công nợ hỗ trợ đồn biên phòng 515.

4. Để sử dụng hiệu quả hơn nguồn tiền mặt nhàn rỗi trong kỳ, đề nghị HĐQT Công ty chỉ đạo Ban điều hành lập kế hoạch cân đối dòng tiền theo tháng để thực hiện gửi tiền có kỳ hạn hợp lý đối với dòng tiền chưa sử dụng trong kỳ, nhằm tăng thu nhập từ hoạt động tài chính của Công ty.

5. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho nhà máy trong năm 2019.

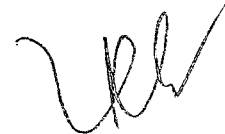
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ (theo Quý), các quyết nghị HĐQT và các Quy chế, Quy định ... của Công ty khi ban hành cần được cung cấp kịp thời hơn cho các thành viên Ban kiểm soát để kịp thời phối hợp triển khai công việc kiểm tra, soát xét hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trân trọng ./.

Nơi gửi :

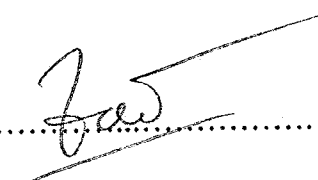
- Như trên;
- Lưu BKS.

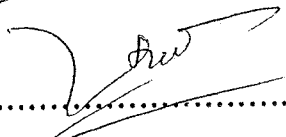
**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN BKS

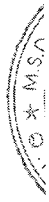
Ông: Văn Tuấn Thạch 

Bà: Phạm Thị Minh Tâm..... 

1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh,
tỉnh Nghệ An

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và điều chỉnh lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 2.256.592.103.444 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 117 người (năm 2017 là 117 người).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

	<u>Chức vụ:</u>	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên	
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Lê Hải Long	Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số: 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018 và biên bản họp Hội đồng quản trị số: 20/BB-HHC-HĐQT ngày 19/04/2018 V/v: Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na nhiệm kỳ 2018-2013.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ:</u>
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Ho và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Hải Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)
Bà Trần Thị Thu Hà	Trưởng ban (kể từ ngày 19/04/2018)
Ông Văn Tuấn Thạch	Thành viên
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên (kể từ ngày 19/04/2018)

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 được bổ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số: 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018 và biên bản họp Ban Kiểm soát số 02/BB-HHC-BKS ngày 19/04/2018.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Trịnh Bảo Ngọc

Số: 11/2019/BCKT/PKF-NHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na được lập ngày 04 tháng 03 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin được lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến mục 7.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 362.743.096.925 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 621.063.415.966 đồng, theo đó, nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 258.320.319.041 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

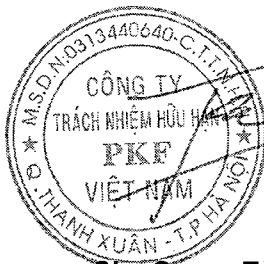
Tại Thuyết minh số 5.14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" (mã số 414) trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 10084/BTC-CKKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD), kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chữ Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		362.743.096.925	259.358.565.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	149.539.905.743	190.207.431.637
1. Tiền	111		32.181.882.246	69.432.883.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		117.358.023.497	120.774.548.310
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.033.294.398	61.139.553.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	134.826.960.210	52.906.810.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.265.057.529	4.759.297.128
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.941.276.659	3.473.445.450
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	19.094.151.105	3.011.581.323
1. Hàng tồn kho	141		19.094.151.105	3.011.581.323
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.745.679	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.745.679	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.345.031.413.947	4.602.252.607.075
II. Tài sản cố định	220	5.7	4.143.163.240.616	4.402.173.644.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.143.163.240.616	4.402.173.644.923
- Nguyên giá	222		5.670.260.285.860	5.666.686.174.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.527.097.045.244)	(1.264.512.529.544)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.363.011.101	190.365.121.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	193.363.011.101	190.365.121.132
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.505.162.230	9.713.841.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	407.593.789	1.296.889.333
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.097.568.441	8.416.951.687
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.707.774.510.872	4.861.611.173.053

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.241.730.771.634	2.609.571.653.422
I. Nợ ngắn hạn	310		621.063.415.966	545.916.722.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	81.552.258.752	111.261.103.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		170.213.022	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	20.144.182.276	8.474.883.607
4. Phải trả người lao động	314		10.182.256.584	7.958.450.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	24.772.134.882	19.324.370.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	23.019.164.498	10.490.812.450
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	459.379.893.124	388.383.720.826
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.843.312.828	23.381.418
II. Nợ dài hạn	330		1.620.667.355.668	2.063.654.930.731
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	275.500.000	306.580.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.620.391.855.668	2.063.348.350.731
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.466.043.739.238	2.252.039.519.631
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	2.466.043.739.238	2.252.039.519.631
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.673.153.617	(75.331.065.990)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.321.670.157)	(91.214.769.906)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		215.994.823.774	15.883.703.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.707.774.510.872	4.861.611.173.053

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính



Trịnh Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÙA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	875.057.646.614	653.292.086.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		875.057.646.614	653.292.086.795
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	419.698.529.739	386.791.143.899
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		455.359.116.875	266.500.942.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.364.044.959	3.072.956.372
7. Chi phí tài chính	22	6.4	216.682.067.042	232.566.779.120
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		210.521.645.223	232.566.779.120
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	25.527.286.984	20.756.368.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		220.513.807.808	16.250.751.916
11. Thu nhập khác	31		813.054.067	2.952.000
12. Chi phí khác	32		184.385.924	370.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		628.668.143	(367.048.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		221.142.475.951	15.883.703.916
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	3.726.402.177	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.416.073.774	15.883.703.916
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	957	62
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.7	957	62

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trình Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị: VND

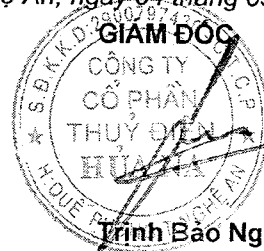
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	221.142.475.951	15.883.703.916
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	263.562.442.692	267.555.134.657
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.505.195.867)	(3.072.956.372)
- Chi phí lãi vay	06	210.521.645.223	232.566.779.120
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	687.721.367.999	512.932.661.321
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(90.969.487.059)	1.669.130.178
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.763.186.536)	(3.011.581.323)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.201.345.243	958.240.655
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	889.295.544	4.505.990.049
- Tiền lãi vay đã trả	14	(203.034.815.144)	(227.815.942.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(680.941.294)	(148.439.655)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	163.657.299
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	2.343.139.297	(182.101.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	404.706.718.050	289.071.614.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.375.102.981)	(135.301.932.753)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	141.150.908	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.820.030.894	2.077.448.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(73.413.921.179)	(128.224.484.058)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.423.398.061	140.839.472.550
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(378.383.720.826)	(231.177.311.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(371.960.322.765)	(90.337.839.008)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(40.667.525.894)	70.509.291.512
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	190.207.431.637	119.698.140.125
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	149.539.905.743	190.207.431.637

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIAM ĐỐC



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trình Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 2.256.592.103.444 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na có trụ sở tại: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 117 người (năm 2017: 117 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: chi phí sửa chữa bảo dưỡng nhà máy, chi phí hội thảo, dịch vụ quản lý, thiết bị vật tư và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm : chi phí bảo hiểm, lãi vay dự trả, chi phí phải trả các nhà thầu,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia. Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước theo hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ ngày 30/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.17 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	172.069.502	100.742.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.009.812.744	69.332.141.177
Các khoản tương đương tiền (*)	117.358.023.497	120.774.548.310
Cộng	149.539.905.743	190.207.431.637

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực VN	134.763.945.810	52.906.810.440
Phải thu khách hàng khác	63.014.400	-
Cộng	134.826.960.210	52.906.810.440

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	2.320.804.000	2.320.804.000
Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	-	841.120.828
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật ĐLDK Việt Nam	42.847.144	171.231.898
Các đối tượng khác	3.901.406.385	1.426.140.402
Cộng	6.265.057.529	4.759.297.128

5.4. Phải thu khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	10.941.276.659	3.473.445.450
Tạm ứng	53.546.317	584.424.155
Lãi dự thu	898.903.769	389.723.367
Hội đồng Bồi thường và TĐC Công trình thủy điện Hủa Na	831.723.620	1.986.507.811
Phải thu khác	9.157.102.953	512.790.117
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.941.276.659	3.473.445.450

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.094.151.105	-	3.011.581.323	-
Cộng	19.094.151.105	-	3.011.581.323	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	407.593.789	1.296.889.333
Thiết bị, vật tư và chi phí khác	407.593.789	1.296.889.333
Cộng	407.593.789	1.296.889.333

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.312.817.934.454	1.342.096.993.919	7.375.940.420	4.395.305.674	5.666.686.174.467
Mua sắm mới	-	586.249.500	2.314.600.000	694.846.835	3.595.696.335
XDCB hoàn thành bàn giao	1.116.329.094	-	-	-	1.116.329.094
Thanh lý, nhượng bán	-	(268.210.400)	(869.703.636)	-	(1.137.914.036)
Số dư cuối năm	4.313.934.263.548	1.342.415.033.019	8.820.836.784	5.090.152.509	5.670.260.285.860
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	905.057.233.721	348.836.895.753	7.223.043.440	3.395.356.630	1.264.512.529.544
Khấu hao trong năm	173.030.468.333	89.794.297.849	170.940.904	577.640.363	263.573.347.449
Thanh lý, nhượng bán	-	(119.128.113)	(869.703.636)	-	(988.831.749)
Số dư cuối năm	1.078.087.702.054	438.512.065.489	6.524.280.708	3.972.996.993	1.527.097.045.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	3.407.760.700.733	993.260.098.166	152.896.980	999.949.044	4.402.173.644.923
Số dư cuối năm	3.235.846.561.494	903.902.967.530	2.296.556.076	1.117.155.516	4.143.163.240.616

Trong đó:

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.831.412.887 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 15.463.370.705 VND).

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng công trình thủy điện Hủa Na	19.286.269.449	24.509.238.768
Chi phí thiết bị	422.946.649	422.946.649
Chi phí XDCB khác	173.345.354.731	158.676.234.481
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	308.440.272	6.756.701.234
Cộng	193.363.011.101	190.365.121.132

5.9. Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	81.552.258.752	111.261.103.681
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na - Tổng Công ty Sông Đà	46.480.885.494	54.980.885.494
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1	87.778.000	5.311.234.892
Tổng Công ty Láp máy Việt Nam	20.226.382.739	32.300.822.607
Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam	2.776.464.000	-
Công ty CP DV kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	195.357.355	4.088.834.164
Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.646.438	12.646.438
Các đối tượng khác	11.772.744.726	14.566.680.086
b) Dài hạn	-	-
Cộng	81.552.258.752	111.261.103.681

a) Ngắn hạn
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na - Tổng Công ty Sông Đà

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1

Tổng Công ty Láp máy Việt Nam

Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam

Công ty CP DV kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN

Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Các đối tượng khác

b) Dài hạn

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm		
	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.038.515.253	81.333.247.249	83.228.062.033
- Thuế GTGT đầu ra	2.038.515.253	81.333.247.249	83.228.062.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.726.402.177	680.941.294
Thuế thu nhập cá nhân	50.313.611	699.679.639	529.032.874
Thuế tài nguyên	-	70.036.843.602	70.036.843.602
Tiền thuế đất	-	1.278.000	1.278.000
Thuế bảo vệ môi trường	3.620.629.400	29.306.673.288	27.725.409.140
Các loại thuế khác	2.765.425.343	8.769.741.657	3.000.000
Cộng	8.474.883.607	193.873.865.612	182.204.566.943
			31/12/2018 (VND)
			143.700.469
			143.700.469
			3.045.460.883
			220.960.376
			-
			-
			5.201.893.548
			11.532.167.000
			20.144.182.276

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.11. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	24.772.134.882	19.324.370.363
Chi phí bảo hiểm	907.718.200	879.620.745
Lãi vay dự trả	20.862.466.406	13.375.636.327
Chi phí phải trả các nhà thầu	2.480.756.006	4.411.042.291
Chi phí phải trả khác	521.194.270	658.071.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	24.772.134.882	19.324.370.363

5.12. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	23.019.164.498	10.490.812.450
Kinh phí công đoàn	51.943.629	13.568.153
Đoàn phí công đoàn	21.338.016	10.622.692
Thuế tài nguyên, thuế VAT và tiền môi trường rừng tạm tính chưa kê khai (*)	10.174.960.896	10.281.321.535
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	151.911.670	185.300.070
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.619.010.287	-
b) Dài hạn	275.500.000	306.580.000
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	275.500.000	306.580.000
Cộng	23.294.664.498	10.797.392.450

(*) Tại ngày 31/12/2018, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An, Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính tương ứng với doanh thu phát điện lưới tháng 12/2018 nhưng chưa đến kỳ kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An, Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT MINH HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	6.423.398.061	6.423.398.061	6.423.398.061	6.475.333.218	6.475.333.218	6.475.333.218
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	6.423.398.061	6.423.398.061	6.423.398.061	6.475.333.218	6.475.333.218	6.475.333.218
b) Vay dài hạn đến hạn trả	452.956.495.063	452.956.495.063	442.956.495.063	371.908.387.608	381.908.387.608	381.908.387.608
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam- CN Nghệ An	331.250.816.503	331.250.816.503	331.250.816.503	308.079.364.000	308.079.364.000	308.079.364.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	33.253.678.560	33.253.678.560	33.253.678.560	12.877.023.608	12.877.023.608	12.877.023.608
- Ngân hàng TMCP An Bình-CN Hà Nội	52.500.000.000	52.500.000.000	42.500.000.000	15.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	459.379.893.124	459.379.893.124	449.379.893.124	378.383.720.826	388.383.720.826	388.383.720.826

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	
c) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1)	833.008.926.076	833.008.926.076	-	331.250.816.503	1.164.259.742.579	1.164.259.742.579
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	161.799.118.976	161.799.118.976	-	35.952.000.000	197.751.118.976	197.751.118.976
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	260.599.250.616	260.599.250.616	-	33.253.678.560	293.852.929.176	293.852.929.176
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	364.984.560.000	364.984.560.000	-	42.500.000.000	407.484.560.000	407.484.560.000
Cộng	1.620.391.855.668	1.620.391.855.668	-	442.956.495.063	2.063.348.350.731	2.063.348.350.731

(1): Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng công trình thủy điện Hứa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2022 (Phụ lục số 23/2014/HĐSBSTĐĐT-NHPT ngày 25/8/2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSB-BS-NHPT-NAN ngày 28/4/2017), chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 19 tháng 10 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án xây dựng công trình thủy điện Hứa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến tháng 02 năm 2018 (Phụ lục số 23/2014/HĐSBSTĐĐT-NHPT ngày 25/8/2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSB-BS-NHPT-NAN ngày 28/4/2017), chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03 tháng 2 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

- (2): Ngày 05 tháng 3 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na công suất 180MW. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở công 4,5%/năm (9,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho Khoản vay này.
- (3): Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng số tiền cho vay vốn là 328,784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm thuế giá trị gia tăng và lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tham chiếu cộng 4,2%/năm (ngày 26 tháng 5 năm 2015 áp dụng biên độ tối thiểu 3%/năm) nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu của các bên cho vay (10,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả hàng quý. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.
- (4): Ngày 17 tháng 12 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biên độ 4,2%/năm (ngày 19 tháng 6 năm 2015 áp dụng biên độ tối thiểu 3%/năm) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (9,7%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả 6 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.
- Ngày 21 tháng 01 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng lên sau điều chỉnh Tổng mức đầu tư của dự án nhà máy thủy điện Hủa Na, cụ thể: chi phí xây dựng, thiết bị; Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Tái định cư của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả thành 20 kỳ, bắt đầu từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026, gốc và lãi vay trả 6 tháng/lần, lãi suất năm thứ nhất: 7%/năm; Năm thứ 2: bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình công biên độ 1,5%/năm; Năm thứ 3: bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình công biên độ 2,2%/năm (9,07%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018). Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho Khoản vay này.

5.14. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
Lãi trong năm	-	-	-	15.883.703.916	15.883.703.916
Số dư tại ngày 01/01/2018	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(75.331.065.990)	2.252.039.519.631
Lãi trong năm	-	-	-	217.416.073.774	217.416.073.774
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(3.411.854.167)	(3.411.854.167)
Số dư tại ngày 31/12/2018	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	138.673.153.617	2.466.043.739.238

Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CEKT ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: "... Công ty được hạch toán giám chỉ phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhân rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...". Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" của bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 64,9 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và đã được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Chữ sở hữu/Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 (VND)	%	Vốn đã góp 31/12/2018 (VND)	Vốn đã góp 01/01/2018 (VND)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	1.898.727.600.000
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,86%	87.200.273.444	87.200.273.444
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	5,12%	115.500.000.000	115.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	105.000.000.000
Các cổ đông khác	50.164.230.000	2,23%	50.164.230.000	50.164.230.000
Cộng	2.256.592.100.000	100%	2.256.592.103.444	2.256.592.103.444

Cổ phiếu

Toàn bộ 225.659.210 cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đang được lưu hành, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu điện phát lưới	875.057.646.614	653.292.086.795
Cộng	875.057.646.614	653.292.086.795

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn phát điện	419.698.529.739	386.791.143.899
Cộng	419.698.529.739	386.791.143.899

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi	7.364.044.959	3.072.956.372
Cộng	7.364.044.959	3.072.956.372

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Lãi tiền vay	210.521.645.223	232.566.779.120
- Chi phí tài chính khác	6.160.421.819	-
Cộng	216.682.067.042	232.566.779.120

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	13.402.814.204	12.518.293.212
Chi phí vật liệu quản lý	620.581.255	639.090.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	916.255.327	1.150.336.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.121.683.103	1.102.333.962
Chi phí khác bằng tiền	8.465.953.095	5.346.314.090
Cộng	25.527.286.984	20.756.368.232

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	221.142.475.951	15.883.703.916
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau	147.059.005.196	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	444.572.783	-
Thu nhập tính thuế	74.528.043.538	-
Thuế suất được ưu đãi	5%	5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp từ các năm trước (*)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.726.402.177	-

(*): Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho 09 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Trong năm 2018, Công ty có số lỗ còn được chuyển từ các kỳ trước sang là: 147.059.005.196 đồng, các khoản chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN năm 2018 là: 444.572.783 đồng, thu nhập tính thuế là: 74.528.043.538 đồng. Thuế TNDN tạm tính năm 2018 là: 3.726.402.177 đồng.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	217.416.073.774	15.883.703.916
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.421.250.000	1.990.604.167
Lãi/lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	215.994.823.774	13.893.099.749
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	225.659.210	225.659.210
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	957	62

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận năm 2017 là 1.990.604.167 đồng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018.

Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận năm 2018 là 1.421.250.000 đồng theo Quyết định Hội đồng quản trị Số 97/QĐ-HHC-HĐQT ngày 12/11/2018.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.702.157.908	7.065.218.761
Chi phí nhân công	29.970.854.574	28.297.669.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.562.442.692	267.555.134.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.198.167.624	18.701.785.063
Chi phí thuế tài nguyên và môi trường rừng	107.389.475.172	74.702.647.173
Chi phí khác (tất cả các chi phí khác ngoài 5 loại trên)	15.402.718.753	11.225.057.185
Cộng	445.225.816.723	407.547.512.131

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là phát điện lưới, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh tại khu vực Nghệ An nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.2 Thông tin hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 362.743.096.925 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 621.063.415.966 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 258.320.319.041 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn.

7.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các Quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Phí bảo lãnh	6.160.421.819	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.160.421.819	-
Trả vốn vay	12.877.023.608	9.177.023.608
Ngân hàng TMCP Quân đội	12.877.023.608	9.177.023.608
Mua hàng	3.551.951.917	12.239.529.312
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	3.551.951.917	12.239.529.312

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2018 như sau:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Các khoản vay	293.852.929.176	306.729.952.784
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	293.852.929.176	306.729.952.784
Các khoản phải trả	20.434.386.532	36.402.303.209
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	195.357.355	4.088.834.164
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.226.382.739	32.300.822.607
Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.646.438	12.646.438

Thu nhập của các thành viên của HĐQT/HĐTV, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc/Tổng giám đốc:

Nội dung	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	4.905.286.329	3.253.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, trong đó có một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố theo Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính, Các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Chi tiết số liệu điều chỉnh hồi tố cho một số chỉ tiêu được trình bày chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2017 trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND Số liệu tại ngày 01/01/2018 trên báo cáo tài chính năm nay
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	50.141.385.097	2.765.425.343	52.906.810.440
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.064.127.657	409.317.793	3.473.445.450
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2.320.804.000)	2.320.804.000	-
Tài sản cố định hữu hình	221	4.485.866.214.190	(83.692.569.267)	4.402.173.644.923
<i>Nguyên giá</i>	222	5.754.040.117.609	(87.353.943.142)	5.666.686.174.467
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223	(1.268.173.903.419)	3.661.373.875	(1.264.512.529.544)
Chi phí XD cơ bản dở dang	242	119.578.756.653	70.786.364.479	190.365.121.132
Nguồn vốn				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	129.485.440.210	(18.224.336.529)	111.261.103.681
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	4.052.700.398	4.422.183.209	8.474.883.607
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.531.013.847	(40.201.397)	10.490.812.450
LN sau thuế chưa phân phối	412	(81.762.763.055)	6.431.697.065	(75.331.065.990)
<i>LN sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	(91.214.769.906)	-	(91.214.769.906)
<i>LN sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HƯA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản mục	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND Số so sánh trên báo cáo tài chính năm nay
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	650.526.661.452	2.765.425.343	653.292.086.795
Giá vốn hàng bán	11	388.136.611.621	(1.345.467.722)	386.791.143.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.077.172.232	(2.320.804.000)	20.756.368.232
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.819.054.851	6.431.697.065	16.250.751.916
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	20	62

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND Số so sánh trên báo cáo tài chính năm nay
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
2. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	271.216.508.532	(3.661.373.875)	267.555.134.657
3. Các khoản dự phòng	03	2.320.804.000	(2.320.804.000)	-
4. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.843.873.314	(3.174.743.136)	1.669.130.178
5. Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.766.983.291)	2.725.223.946	958.240.655

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Võ Trung Chính

GIÁM ĐỐC



Trình Bảo Ngọc

Số: 150/TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2019
của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-HHC-HĐQT ngày 01/6/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, về việc: Phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh (lần 3) - Công trình thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số Quyết số 77/QĐ-HĐQT-HHC ngày 14/6/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, về việc: Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư Công trình thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, về việc: Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-HHC ngày 10/01/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, về việc: Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

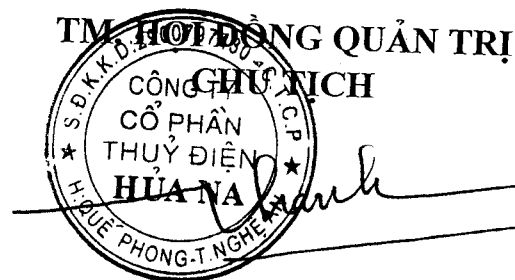
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, bao gồm:

- Kế hoạch tài chính năm 2019 (Phụ lục 01);
- Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay năm 2019 (Phụ lục 02).

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.



Hoàng Xuân Thành

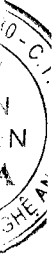
PHỤ LỤC 01
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019

*Kèm theo Tờ trình số 150/TTr-HHC-HDQT ngày 15/3/2019 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na*

DVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
A	Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019			
I	Sản lượng điện 2019	triệu Kwh	650,64	Kế hoạch SXKD 2019
II	Doanh thu năm 2019	tỷ đồng	710,39	Kế hoạch SXKD 2019
1	Doanh thu phát điện	tỷ đồng	619,24	
2	Doanh thu tài chính	tỷ đồng	3,00	
3	Thu phí tài nguyên nước; thuế môi trường rừng; phí quyền khai thác nước mặt	tỷ đồng	88,15	
III	Chi phí sản xuất 2019	tỷ đồng	648,87	Kế hoạch SXKD 2019
1	Chi phí tiền lương và các khoản trích nộp theo lương	tỷ đồng	30,64	
2	Chi phí vật liệu	tỷ đồng	15,95	
3	Chi phí công cụ dụng cụ	tỷ đồng	2,08	
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	tỷ đồng	31,70	
5	Chi phí bằng tiền khác	tỷ đồng	23,26	
6	Chi phí khấu hao	tỷ đồng	280,34	
7	Chi phí lãi vay	tỷ đồng	176,75	
8	Phí tài nguyên; thuế môi trường rừng; phí quyền khai thác nước mặt	tỷ đồng	88,15	
IV	Lợi nhuận trước thuế 2019	tỷ đồng	61,52	Kế hoạch SXKD 2019
B	Kế hoạch đầu tư xây dựng 2019			
I	Chỉ tiêu đầu tư xây dựng 2019	tỷ đồng	28,47	Kế hoạch SXKD 2019
1	Bồi thường đối trừ đất nơi đi, nơi đến	tỷ đồng	19,17	
2	Bồi thường diện tích đất giao thay thế. Tư vấn điều chỉnh quy hoạch và giao đất bổ sung. Hỗ trợ, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt và đường giao thông. Một số công việc khác.	tỷ đồng	9,30	
II	Chi phí đầu tư xây dựng 2019	tỷ đồng	35,00	Kế hoạch SXKD 2019
1	Chi cho các nhà thầu thi công xây dựng		10,00	
2	Chi công tác bồi thường, hỗ trợ và TĐC	tỷ đồng	25,00	
C	Dòng tiền 2019			
I	Số dư tiền năm 2018 chuyển sang	tỷ đồng	191,54	
II	Dự kiến dòng tiền thu	tỷ đồng	907,20	
1	Tiền thu bán điện từ EVN	tỷ đồng	807,20	Dự kiến thu từ T11/2018 đến T10/2019

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
2	Thu từ phát hành cổ phiếu cho Người lao động	tỷ đồng	100,00	
III	Dự kiến dòng tiền chi	tỷ đồng	938,28	
1	Chi phí O&M (Lương và chi phí QLVH)	tỷ đồng	103,62	Kế hoạch SXKD 2019
2	Chi phí trả lãi vay	tỷ đồng	182,26	KH trả nợ theo dòng tiền
3	Chi phí trả nợ gốc vay	tỷ đồng	459,38	KH trả nợ theo dòng tiền
4	Chi nộp NSNN	tỷ đồng	158,02	Kế hoạch SXKD 2019
5	Chi cho Dự án Đầu tư	tỷ đồng	35,00	Kế hoạch SXKD 2019
IV	Cân đối dòng tiền	tỷ đồng	160,47	



PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI VAY NĂM 2019 THEO DÒNG TIỀN

Kèm theo Tờ trình số 150/HHC-HDQT ngày 15/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Hạ

TT	Nội dung	Số giải ngân	Lãi suất	Gốc đã trả đến 31/12/2018	Đư nợ 31/12/2018	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
1	HĐTD số 1382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000.000.000		1.075.740.257.421	1.164.259.742.579	25.434.535.876	27.459.016.893	28.092.863.941	27.671.803.814	27.792.150.714	27.380.791.014	27.461.484.047	42.296.150.714	41.780.791.014	48.717.484.047	48.164.791.014	45.216.830.888	417.468.693.975
	Trả lãi					5.434.535.876	7.459.016.893	8.092.863.941	7.671.803.814	7.792.150.714	7.380.791.014	7.461.484.047	7.296.150.714	6.780.791.014	6.717.484.047	6.164.791.014	7.966.014.385	86.217.877.472
	Trả gốc			9.470.000.000	0	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	331.250.816.503
	- Số vay lãi suất 7,5%/năm	9.470.000.000	7,5%	9.470.000.000	0													
	- Số vay lãi suất 6,9%/năm	1.000.150.000.000	6,9%	586.631.771.189	413.527.228.811													
	- Số vay lãi suất 14,2%/năm	509.327.174.086	9,6%	87.578.302.755	421.748.871.331													
	- Số vay lãi suất 12,0%/năm	382.406.185.190	9,6%	318.380.099.575	64.026.085.615													
	- Số vay lãi suất 11,4%/năm	67.316.447.922	11,4%	67.316.447.922	0													
	- Số vay lãi suất 10,8%/năm	6.363.636.000	10,8%	6.363.636.000	0													
	- Số vay lãi suất 8,55%/năm	264.957.556.802	8,55%	0	264.957.556.802													
2	HĐTD số 2/09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	328.784.000.000		34.931.070.824	293.852.929.176	1.702.856.858	1.538.064.259	1.702.856.858	1.573.025.991	1.625.460.191	10.561.025.991	1.548.063.525	1.548.063.525	10.486.125.991	1.470.666.858	1.423.225.991	10.458.666.858	54.626.102.896
	Trả lãi					1.702.856.858	1.538.064.259	1.702.856.858	1.573.025.991	1.625.460.191	1.573.025.991	1.548.063.525	1.548.063.525	10.486.125.991	1.470.666.858	1.423.225.991	10.458.666.858	54.626.102.896
	Trả gốc			34.931.070.824	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số giải ngân	328.784.000.000	11,0%	34.931.070.824	293.852.929.176													
3	HĐTD số 12.08.005/HĐTD-HUASA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	359.555.118.976		161.784.000.000	197.751.118.976	1.702.856.858	1.538.064.259	1.702.856.858	1.573.025.991	1.625.460.191	10.561.025.991	1.548.063.525	1.548.063.525	10.486.125.991	1.470.666.858	1.423.225.991	10.458.666.858	54.626.102.896
	Trả lãi					1.702.856.858	1.538.064.259	1.702.856.858	1.573.025.991	1.625.460.191	1.573.025.991	1.548.063.525	1.548.063.525	10.486.125.991	1.470.666.858	1.423.225.991	10.458.666.858	54.626.102.896
	Trả gốc			161.784.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số giải ngân	359.555.118.976	10,0%	161.784.000.000	197.751.118.976													
4	HĐTD số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (INHAB)	200.000.000.000		70.000.000.000	130.000.000.000	16.488.300.000	0	0	0	0	16.614.544.444	0	0	0	0	0	0	49.309.777.778
	Trả lãi					16.488.300.000	0	0	0	0	16.614.544.444	0	0	0	0	0	0	49.309.777.778
	Trả gốc			70.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số giải ngân	200.000.000.000	10,12%	70.000.000.000	130.000.000.000													
5	HĐTD số 182/16/TTD-S/TTII ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000.000.000		12.515.440.000	287.484.560.000	15.870.268.031	4.110.241.959	43.049.325.958	29.244.829.805	37.004.847.555	54.926.201.152	62.220.323.500	64.190.635.914	56.507.660.160	50.188.150.915	56.663.281.733	72.222.611.486	611.635.301.307
	Trả lãi					15.870.268.031	4.110.241.959	43.049.325.958	29.244.829.805	37.004.847.555	54.926.201.152	62.220.323.500	64.190.635.914	56.507.660.160	50.188.150.915	56.663.281.733	72.222.611.486	611.635.301.307
	Trả gốc			12.515.440.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số giải ngân	300.000.000.000	9,00%	12.515.440.000	287.484.560.000													
6	HĐTD vay ngắn hạn với VIB số 0067/HĐTD/1-404.15 ngày 04/09/2015	30.000.000.000		0	0	2.371.959.591	4.110.241.959	43.049.325.958	29.244.829.805	37.004.847.555	54.926.201.152	62.220.323.500	64.190.635.914	56.507.660.160	50.188.150.915	56.663.281.733	72.222.611.486	611.635.301.307
	Trả lãi					2.371.959.591	4.110.241.959	43.049.325.958	29.244.829.805	37.004.847.555	54.926.201.152	62.220.323.500	64.190.635.914	56.507.660.160	50.188.150.915	56.663.281.733	72.222.611.486	611.635.301.307
	Trả gốc			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Hạn mức tín dụng	30.000.000.000	7,00%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.539.319.118.976		1.765.970.768.245	2.073.348.350.731	61.867.920.356	53.549.512.784	43.049.325.958	29.244.829.805	37.004.847.555	54.926.201.152	62.220.323.500	64.190.635.914	56.507.660.160	50.188.150.915	56.663.281.733	72.222.611.486	611.635.301.307
	Trả lãi					37.395.694	21.407.795	43.049.325.958	29.244.829.805	37.004.847.555	54.926.201.152	62.220.323.500	64.190.635.914	56.507.660.160	50.188.150.915	56.663.281.733	72.222.611.486	611.635.301.307
	Trả gốc			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Hạn mức tín dụng	30.000.000.000	7,00%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Chú: Số liệu tính toán trên cơ sở: - Lịch trả nợ của các ngân hàng - Lãi suất các Ngân hàng thương mại tăng lên 0,5% so với thời điểm 31/12/2018

Số: 151 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-HHC ngày 10/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, về việc: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 như sau:

1. Mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018.

ĐVT: đồng

TT	Chức vụ	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Ghi chú
I	Thù lao	148.000.000	145.666.666	
1	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000	3tr/ng/th
2	Trưởng Ban KS	12.000.000	11.000.000	3tr/ng/th
3	Ủy viên Ban KS	64.000.000	62.666.666	2tr/ng/th
II	Chi phí hoạt động	180.000.000	179.592.477	
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	180.000.000	179.592.477	
	Cộng	328.000.000	325.259.143	


2. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019.

ĐVT: đồng

TT	Chức vụ	Định mức/tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
I	Thù lao				216.000.000
1	Thành viên HĐQT	5.000.000	12	2	120.000.000
2	Ủy viên Ban KS	4.000.000	12	2	96.000.000
II	Chi phí hoạt động				288.000.000
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	3.000.000	12	8	288.000.000
	Tổng cộng				504.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

Số: 152 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng Quản trị về việc Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-HHC ngày 19/01/2018 của Hội đồng Quản trị về việc Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là: 217.416.073.774 đồng. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

1. Lợi nhuận dùng để bù đắp số lỗ lũy kế đến năm nay 2018 là: 77.321.670.157 đồng.
2. Trích Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý và Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động năm 2018 là: 8.007.127.832 đồng. Cụ thể:



ĐVT: đồng

Nội dung	Quỹ lương thực hiện năm 2018	Quỹ lương bình quân 1 tháng	Mức trích	Giá trị trích Quỹ
Quỹ Khen thưởng Viên chức Quản lý	3.602.690.960	300.224.247	1,5 tháng lương BQ thực hiện	450.300.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động	22.670.483.500	1.889.206.958	4 tháng lương BQ thực hiện	7.556.827.832
Tổng cộng				8.007.127.832

3. Lợi nhuận lũy kế sau thuế giữ lại chưa phân phối (không trích lập các quỹ, không chia cổ tức) là: 132.087.275.785 đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Xuân Thành

Số: 153 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Nhằm thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, có tính cạnh tranh. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
3. Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam.
4. Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu: VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Xuân Thành

Số: 154 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình
lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HHC-HĐQT ngày 30/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, về việc: Thông qua chủ trương phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính ban hành kèm theo quyết định số 75/QĐ-HHC- HĐQT ngày 14/09/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, với những nội dung chính như sau:

I. Mục đích phát hành

- Bổ sung nguồn vốn SXKD nhằm đảm bảo chi trả kịp thời, đầy đủ nợ gốc, lãi vay ngân hàng và thanh toán các khoản chi phí SXKD trong thời gian tới.
- Ghi nhận những đóng góp, tăng cường sự gắn bó, nâng cao tinh thần trách nhiệm và phát huy tối đa khả năng của người lao động với sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.

II. Đối tượng phát hành

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên HĐQT chuyên trách, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

- Cán bộ quản lý từ cấp Trưởng phòng, Phó trưởng phòng trở lên.

- Người lao động có hợp đồng lao động với công ty từ 12 tháng trở lên có trong danh sách tại thời điểm 31/12/2018 (không bao gồm lao động trong thời gian thử việc).

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách.

III. Phương án phát hành

1. Cổ phiếu phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

- Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu.

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng.

- Tỷ lệ phát hành: 4,43% ($100.000.000.000/2.256.592.100.000$)

2. Loại cổ phiếu

Là cổ phiếu phổ thông. Thời gian hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

3. Thời gian phát hành

Trong Quý II/2019 và Quý III/2019 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện.

4. Phương pháp, tiêu chí xác định số lượng cổ phiếu từng người lao động được mua

Các thành viên ESOP được tính toán phân phối cổ phiếu căn cứ vào các tiêu chí tổng hợp như sau:

4.1. Xác định hệ số tổng hợp theo cấp bậc, chức vụ và thâm niên công tác tương ứng:

a. Hệ số theo cấp bậc và chức vụ (H_{cd}):

Được xác định theo các hệ số tương ứng với chức danh công tác theo bảng chi tiết dưới đây:

Loại	Chức danh	Hệ số chức danh (H_{cd})
1	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	4
2	UV HĐQT chuyên trách, Trưởng BKS chuyên trách, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	3.5
3	Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng	3

4	Phó trưởng phòng, phó quản đốc phân xưởng, thư ký HĐQT	2.8
5	Trưởng ca	2.5
6	Trưởng kíp, tổ trưởng, tổ phó, đội trưởng	2
7	Chuyên viên, vận hành viên, sửa chữa, bảo vệ	1.8
8	Nhân viên lái xe, văn thư, thủ kho	1.5
9	Nhân viên y tế, lễ tân, tạp vụ, nấu ăn	1

b. Xác định thâm niên công tác tương ứng với chức vụ được giao (t_i):

Thâm niên công tác được tính theo số tháng làm việc thực tế tại Công ty tương ứng theo chức danh công việc đảm nhận từ khi bắt đầu làm việc cho đến ngày 31/12/2018 (được tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc đến thời điểm chốt danh sách chia cho 30 ngày).

c. Trên cơ sở đó xác định hệ số tổng hợp (thâm niên/chức vụ) của toàn bộ CB, NLD công ty (trừ các đối tượng thuộc Khoản 4.3 Mục 4) và số cổ phiếu ESOP tương ứng với một đơn vị hệ số tổng hợp.

4.2 Phương thức phân phối số lượng cổ phiếu cho các thành viên ESOP :

Công thức tổng quát xác định số lượng cổ phiếu (SLCP) được phân phối được xác định như sau:

$$CP_i = \left[\frac{M}{\left(\sum_1^n Hcd_i * t_i \right)} \times (Hcd_i * t_i) \right] + Ti \quad (1) (*)$$

Trong đó:

- CP_i : SLCP được mua của thành viên thứ i (được làm tròn xuống đến hàng nghìn)
- Hcd_i : Hệ số chức danh của thành viên thứ i
- t_i : Thâm niên công tác tính theo tháng tương ứng với chức vụ được giao của thành viên thứ i
- T_i : số lượng cổ phiếu thành viên thứ i được phân bổ thêm từ số cổ phiếu lẻ phát sinh
- M : SLCP được phân phối sau khi trừ đi tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho các đối tượng thuộc Khoản 3 Điều này
- n : Số lượng thành viên tham gia chương trình

4.3 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm phân bổ 70.000 cổ phiếu/người, Ban kiểm soát kiêm nhiệm phân bổ 50.000 cổ phiếu/người.

IV. Các nội dung ủy quyền:

DHDCĐ PV Power HHC ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung sau:

- Thực hiện thủ tục cần thiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật;
- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án để đăng ký phát hành cổ phiếu với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBCKNN) hoặc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và thông qua Phương án phát hành chi tiết;
- Lựa chọn thời gian thực hiện phát hành/chào bán cổ phiếu, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và Công ty cũng như khả năng thành công của đợt phát hành;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVPowerHHC theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An sau khi hoàn tất đợt chào bán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

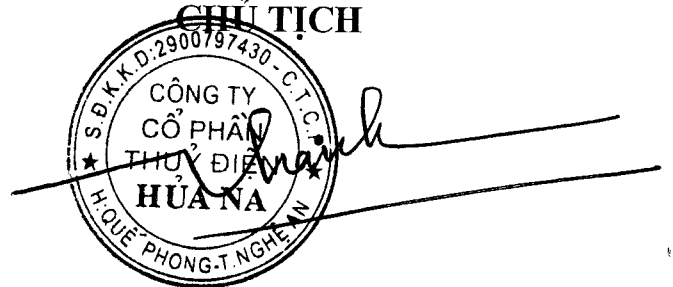
- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu VT/TCKT.

Đính kèm:

- Phương án phát hành cổ phiếu;
- Quy chế phát hành cổ phiếu;
- Danh sách phân bổ CP cho CBCNV.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA



QUY CHẾ

THỰC HIỆN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CÔNG TY

Ban hành theo Quyết định số ngày .../.../2019 của Hội đồng quản trị

Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na

Nghệ An, tháng năm 2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích.....	2
Điều 2. Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng	2
Điều 3. Định nghĩa và viết tắt.	2
Chương II CHƯƠNG TRÌNH ESOP.....	3
Điều 4. Số lượng cổ phiếu phát hành.....	3
Điều 5. Loại cổ phiếu.....	3
Điều 6. Giá phát hành.	3
Điều 7. Quyền lợi khi tham gia chương trình.	3
Điều 8. Phương pháp, tiêu chí xác định số lượng cổ phiếu từng người lao động được mua.....	4
Điều 9. Xác định số lượng cổ phiếu phát hành cho từng thành viên ESOP.	5
Điều 10. Thời gian thực hiện.	5
Điều 11. Thời gian thông báo và nộp tiền mua cổ phiếu.....	5
Chương III.....	6
HIỆU LỰC THI HÀNH	6
Điều 12. Hiệu lực thi hành.....	6

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na với mục đích sau:

- Bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc, lãi vay ngân hàng và thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Ghi nhận sự đóng góp của người lao động làm việc tại Công ty. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng người lao động, tạo động lực thúc đẩy, tăng hiệu quả làm việc để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Gắn hiệu quả làm việc với lợi ích chung và sự phát triển của Công ty, thu hút và giữ chân những người lao động giỏi, giàu năng lực, kinh nghiệm.

Điều 2. Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với người lao động (thành viên ESOP), bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Cán bộ quản lý từ cấp Trưởng phòng, Phó trưởng phòng trở lên;
- Người lao động có hợp đồng lao động với công ty từ 12 tháng trở lên có trong danh sách tại thời điểm 31/12/2018 (không bao gồm lao động trong thời gian thử việc).
- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách.

Điều 3. Định nghĩa và viết tắt.

- ESOP (Employee Stock Ownership Plan): Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị Công ty.
- BKS: Ban Kiểm soát Công ty.
- BGD: Ban Giám đốc Công ty.
- Ban lãnh đạo: Thành viên HĐQT chuyên trách, Thành viên BKS chuyên trách, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.
- CBQL: từ cấp Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương trở lên.
- NLD: Người lao động đang làm việc tại Công ty.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- Thành viên ESOP: là thành viên được xét chọn tham gia chương trình ESOP theo quy định tại Điều 2.

Chương II **CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

Điều 4. Số lượng cổ phiếu phát hành

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 225.659.210 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 225.659.210 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 10.000.000 cổ phiếu (Mười triệu cổ phiếu) với tổng giá trị cổ phiếu theo mệnh giá là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
- Tỷ lệ phát hành: 4,43%

Điều 5. Loại cổ phiếu

Là cổ phiếu phổ thông.

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Điều 6. Giá phát hành

Giá phát hành áp dụng theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư số 162/2015/TT – BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính. Cụ thể là:

- Giá phát hành cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Căn cứ tính giá:
 - + Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 31/12/2018 là: 10.933 đồng/cổ phiếu (lấy theo báo cáo tài chính quý 4/2018);
 - + Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) trong năm 2018 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 10.800 đồng/cổ phiếu;
 - + Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu). Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó của Cán bộ, NLD và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, NLD là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Điều 7. Quyền lợi khi tham gia chương trình.

Các thành viên ESOP sẽ được các quyền lợi sau:

- Được mua cổ phiếu tương ứng với các quy định tại Quy chế này;
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông;

Trường hợp thành viên ESOP vi phạm theo các quy định tại Khoản 11.2 Điều 11 của Quy chế này sẽ bị xử lý thu hồi ngay lại quyền sở hữu cổ phiếu của chương trình ESOP.

Điều 8. Phương pháp, tiêu chí xác định số lượng cổ phiếu từng người lao động được mua

Các thành viên ESOP được tính toán phân phối cổ phiếu căn cứ vào các tiêu chí tổng hợp như sau:

1. Xác định hệ số tổng hợp theo cấp bậc, chức vụ và thâm niên công tác tương ứng:

a. Hệ số theo cấp bậc và chức vụ (H_{cd}):

Được xác định theo các hệ số tương ứng với chức danh công tác theo bảng chi tiết dưới đây:

Loại	Chức danh	Hệ số chức danh (H_{cd})
1	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	4
2	UV HĐQT chuyên trách, Trưởng BKS chuyên trách, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	3.5
3	Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng	3
4	Phó trưởng phòng, phó quản đốc phân xưởng, thư ký HĐQT	2.8
5	Trưởng ca	2.5
6	Trưởng kíp, tổ trưởng, tổ phó, đội trưởng	2
7	Chuyên viên, vận hành viên, sửa chữa, bảo vệ	1.8
8	Nhân viên lái xe, văn thư, thủ kho	1.5
9	Nhân viên y tế, lễ tân, tạp vụ, nấu ăn	1

(Bảng 1: Hệ số phân phối theo chức danh công tác)

a. Xác định thâm niên công tác tương ứng với chức vụ được giao (t_i):

Thâm niên công tác được tính theo số tháng làm việc thực tế tại Công ty tương ứng theo chức danh công việc đảm nhận từ khi bắt đầu làm việc cho đến ngày 31/12/2018 (được tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc đến thời điểm chốt danh sách chia cho 30 ngày).

b. Trên cơ sở đó xác định hệ số tổng hợp (thâm niên/chức vụ) của toàn bộ CB, NLD công ty (trừ các đối tượng thuộc Khoản 3 Điều này) và số cổ phiếu ESOP tương ứng với một đơn vị hệ số tổng hợp.

2. Phương thức phân phối số lượng cổ phiếu cho các thành viên ESOP :

Công thức tổng quát xác định số lượng cổ phiếu (SLCP) được phân phối được xác định như sau:

$$CP_i = \left[\frac{M}{\left(\sum_1^n Hcd_i * t_i \right)} \times (Hcd_i * t_i) \right] + T_i \quad (1) (*)$$

Trong đó:

- CP_i : SLCP được mua của thành viên thứ i (được làm tròn xuống đến hàng nghìn)
 - Hcd_i : Hệ số chức danh của thành viên thứ i
 - t_i : Thâm niên công tác tính theo tháng tương ứng với chức vụ được giao của thành viên thứ i
 - T_i : số lượng cổ phiếu thành viên thứ i được phân bổ thêm từ số cổ phiếu lẻ phát sinh
 - M : SLCP được phân phối sau khi trừ đi tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho các đối tượng thuộc Khoản 3 Điều này
 - n : Số lượng thành viên tham gia chương trình
3. Thành viên HĐQT kiêm nhiệm phân bổ 70.000 cổ phiếu/người, Ban kiểm soát kiêm nhiệm phân bổ 50.000 cổ phiếu/người.

Điều 9. Xác định số lượng cổ phiếu phát hành cho từng thành viên ESOP

Căn cứ phương pháp, tiêu chí đã được quy định như trên, Danh sách thành viên ESOP, số lượng cổ phiếu phân phối cho từng thành viên ESOP được lập như Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 10. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dự kiến từ Quý II năm 2019 đến Quý III năm 2019 nhưng đảm bảo ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo về đợt phát hành cổ phiếu ESOP.

Điều 11. Thời gian thông báo và nộp tiền mua cổ phiếu

1. Thời gian thông báo: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ báo cáo phát hành.
- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu:
 - + Trong vòng 20 ngày kể từ ngày thông báo, các thành viên ESOP trong danh sách thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản do Công ty chỉ định. Nếu hết thời hạn này mà thành viên ESOP không thực hiện mua hết số cổ phiếu được phân bổ thì xem như đã tự nguyện từ bỏ quyền mua số cổ phiếu còn lại.

- + Trong khoản thời gian từ ngày thứ 21 đến ngày thứ 35 (kể từ ngày UBCKNN thông báo) các thành viên ESOP còn lại tiến hành đăng ký mua số cổ phiếu chưa mua hết; Hội đồng quản trị Công ty căn cứ số lượng cổ phiếu chưa mua hết, số lượng cổ phiếu đăng ký mua mới này và các tiêu chí bổ sung để quyết định phân bổ số cổ phiếu cho mỗi người.
 - + Từ ngày thứ 36 đến ngày thứ 45 những người được phân bổ mua mới này thực hiện nộp tiền vào tài khoản Công ty chỉ định.
 - + Hết ngày thứ 45 (kể từ ngày UBCKNN thông báo), kết thúc đợt phát hành cổ phiếu ESOP.
2. Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ quyền được mua cổ phiếu của thành viên này xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo danh sách quy định tại mục trên.
- Các trường hợp NLD chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLD vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt.

Chương III

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng Quản trị Công ty ký quyết định ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có điểm chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Công ty có trách nhiệm trình Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

PHƯƠNG ÁN

**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

MỤC LỤC

1. Căn cứ pháp lý.....	2
2. Mục đích phát hành cổ phiếu	2
3. Các nguyên tắc của đợt phát hành	3
4. Phương án chi tiết	3
5. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	5
6. Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung	6
7. Các nội dung ủy quyền:	6

3. Các nguyên tắc của đợt phát hành

Việc chào bán cổ phần được thực hiện thống nhất bằng tiền đồng Việt Nam;

- Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình trong mỗi mười hai (12) tháng không được vượt quá năm phần trăm (5%) số cổ phần đang lưu hành của công ty;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty không được tham gia biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

4. Phương án chi tiết

1. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
2. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành	225.659.210 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	10.000.000 cổ phiếu
7. Tỷ lệ phát hành/khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,43%
8. Đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động gần nhất	Không có
9. Giá phát hành	Giá phát hành áp dụng theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư số 162/2015TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính, cụ thể: Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

	<p>Căn cứ tính giá:</p> <p>Giá trị sổ sách cổ phiếu HNA tại thời điểm 31/12/2018 là: 10.933 đồng/cổ phiếu (lấy theo báo cáo tài chính quý 4/2018)</p> <p>Thị giá của cổ phiếu HNA (Upcom) trong năm 2018 dao động ở mức (tính trung bình giá đóng cửa): 10.800 đồng/cổ phiếu</p> <p>Với những phương pháp tính giá nêu trên đều cho kết quả giá trị cổ phiếu lớn hơn hoặc bằng mệnh giá cổ phiếu (10.000 đồng/cổ phiếu). Tuy nhiên đây là phát hành ESOP, để khích lệ và tạo sự gắn bó của Cán bộ, NLD và nâng cao khả năng phát hành thành công, HĐQT đề xuất ĐHCĐ thông qua mức giá chào bán cho Cán bộ, NLD là 10.000 đồng/ cổ phiếu.</p>
10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
11. Đối tượng phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, NLD của Công ty và các thành viên HĐQT, BKS Công ty theo tiêu chí và danh sách được HĐQT phê duyệt. - ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt tiêu chí và danh sách Cán bộ, NLD, thành viên HĐQT, BKS được mua cổ phiếu chính thức.
12. Thời gian thực hiện dự kiến	Trong Quý II/2019 và Quý III/2019 sau khi được ĐHCĐ thông qua phương án phát hành và ủy quyền cho HĐQT thực hiện.
13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
14. Hạn chế chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. - Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ số cổ phiếu được phát hành của thành viên này và

	<p>xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo danh sách quy định tại mục 4.15</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp NLD chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLD vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt
15. Phương thức xử lý số cổ phiếu các thành viên ESOP không mua hết theo danh sách	<p>Trường hợp kết thúc đợt chào bán đầu tiên, số lượng cổ phiếu không được các Cán bộ, NLD và các thành viên HĐQT, BKS có tên trong Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ cho các thành viên ESOP có nguyện vọng đăng ký mua thêm với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu</p>
16. Các vấn đề khác	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty không được biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu; - Hội đồng quản trị thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP trong đó quy định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; - Hội đồng quản trị thông qua thực hiện phương án phát hành

5. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng như sau:
 - + Chi trả thanh toán các khoản nợ gốc và lãi vay ngân hàng;
 - + Chi trả thanh toán cho các khoản chi phí SXKD của Công ty.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ vốn, điều chỉnh và/hoặc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

6. Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung

Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

7. Các nội dung ủy quyền:

ĐHĐCĐ của CTCP Thủy điện Hòa Na ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Thực hiện thủ tục cần thiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật;
- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án để đăng ký phát hành cổ phiếu với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBCKNN) hoặc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và thông qua Phương án phát hành chi tiết;
- Lựa chọn thời gian thực hiện phát hành/chào bán cổ phiếu, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và Công ty cũng như khả năng thành công của đợt phát hành;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Thủy điện Hòa Na theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An sau khi hoàn tất đợt chào bán..

DANH SÁCH CBCNV CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA MUA CỔ PHIẾU ESOP

(Tại thời điểm 31/12/2018)

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Số cổ phiếu được mua
I	Hội đồng quản trị							
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	24/04/07	4269	142,30	4	502,32	270.000
		CT HĐQT	19/04/18	256	8,53	4	34,13	
		Phó giám đốc	05/12/14	1231	41,03	3,5	143,62	
		Kế toán trưởng	24/04/07	2782	92,73	3,5	324,57	
2	Trịnh Bảo Ngọc	UV - GD	01/06/07	4231	141,03	4	518,82	269.000
		Giám đốc	10/11/14	2719	50,40	4	201,60	
		Phó giám đốc	01/06/07	1512	90,63	3,5	317,22	
3	Nguyễn Xuân Sơn	UV - PGĐ	20/08/07	4151	138,37	3,5	430,36	223.000
		Phó giám đốc	12/04/16	993	33,10	3,5	115,85	
		TP.TCHC	01/03/08	2964	98,80	3,0	296,40	
		PP.TCHC	20/08/07	194	6,47	2,8	18,11	
4	Lê Hải Long	UV	19/04/18					70.000
		TV BKS kiêm nhiệm	01/01/09					
5	Vũ Văn Tâm	UV	19/04/18					70.000
II	Ban Kiểm Soát							
6	Trần Thị Thu Hà	TBKS	15/06/07	4217	140,57	3,5	274,19333	142.000
		TBKS	19/04/18	256	8,53	3,5	29,87	
		PP.TCKT	01/10/17	200	6,67	2,8	18,67	
		Chuyên viên	15/06/07	3761	125,37	1,8	225,66	
7	Văn Tuấn Thạch	TV	07/06/13			1,8		50.000
8	Phạm Thị Minh Tâm	TV	19/04/18			1,8		50.000
III	Ban lãnh đạo							
9	Trần Văn Biên	PGĐ	20/06/07	4212	140,40	3,5	458,76	238.000
		Phó giám đốc	01/12/11	2587	86,23	3,5	301,82	
		TP.KTKT	01/10/09	791	26,37	3	79,10	
		PP.KTKT	01/07/07	834	27,80	2,8	77,84	
10	Bùi Huy Thành	PGĐ	18/06/07	4214	140,47	3,5	387,53	201.000
		Phó giám đốc	10/08/18	143	4,77	3,5	16,68	
		TP. Kỹ thuật	01/03/12	2353	78,43	3	235,30	
		PP. Kỹ thuật	01/07/09	974	32,47	2,8	90,91	
		Chuyên viên	18/06/07	744	24,80	1,8	44,64	
11	Võ Trung Chính	KTT	01/08/07	4170	139,00	3,5	395,37	205.000
		KTT	01/1/2015	1460	48,67	3,5	170,33	
		PP.TCKT	15/11/09	1873	62,43	2,8	174,81	
		Chuyên viên	01/08/07	837	27,90	1,8	50,22	
IV	Cán bộ CNV							
	Phòng TCHC							
12	Lê Công Đoàn	Phó phòng TCHC	01/06/09	3500	116,67	2,8	298,80	155.000
		PP.TCHC	15/09/11	2664	88,80	2,8	248,64	
		Chuyên viên	01/06/09	836	27,87	1,8	50,16	
13	Mai Minh Sơn	Phó phòng TCHC	10/11/09	3338	111,27	2,8	231,71	120.000
		PP.TCHC	01/06/16	943	31,43	2,8	88,01	

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Số cổ phiếu được mua
		<i>Chuyên viên</i>	<i>10/11/09</i>	<i>2395</i>	<i>79,83</i>	<i>1,8</i>	<i>143,70</i>	
14	Hoàng Văn Tuấn	Thư ký HĐQT	17/03/10	3211	107,03	2,8	274,19	140.000
		<i>Thư ký HĐQT</i>	<i>20/04/12</i>	<i>2446</i>	<i>81,53</i>	<i>2,8</i>	<i>228,29</i>	
		<i>Chuyên viên</i>	<i>17/03/10</i>	<i>765</i>	<i>25,50</i>	<i>1,8</i>	<i>45,90</i>	
15	Phạm Ngọc Trung	NV	13/05/09	3519	117,30	1,8	211,14	108.000
16	Trần Thị Vân	NV	01/01/15	1460	48,67	1,8	87,6	44.000
17	Lê Thị Hạnh	NV	05/07/07	4197	139,90	1,8	251,82	129.000
18	Nguyễn Quý Phi	Lái xe	10/06/12	2395	79,83	1,5	119,75	61.000
19	Nguyễn Đình Dũng	Lái xe	01/06/10	3135	104,50	1,5	156,75	80.000
20	Trần Quốc Tú	Lái xe	20/01/11	2902	96,73	1,5	145,1	74.000
21	Nguyễn Thế Hải	Lái xe	22/04/09	3540	118,00	1,5	177	90.000
22	Hồ Thị Huyền	Văn thư	20/03/10	3208	106,93	1,5	106,93333	54.000
23	Vi Thị Hồng Nhất	Văn thư	13/06/11	2758	91,93	1,5	91,933333	47.000
24	Phan Thị Hà	Tạp vụ	09/03/15	1393	46,43	1,5	46,433333	23.000
25	Tăng Thị Trang	Lễ tân	22/12/14	1470	49,00	1	49	25.000
26	Hồ Thị Hiền	tạp vụ	23/11/07	4056	135,20	1	135,2	69.000
27	Lô Thu Hiền	Nấu ăn	15/08/11	2695	89,83	1	89,833333	46.000
28	Nguyễn Thị Huệ	Y tế	15/02/16	1050	35,00	1	35	17.000
29	Đinh Thị Thuận	Nấu ăn	01/03/17	670	22,33	1	22,333333	11.000
30	Phan Đình Thắng	Lái xe	01/05/17	609	20,30	1,5	30,45	15.000
31	Nguyễn Thị Huyền	Nấu ăn	01/04/17	639	21,30	1	21,3	10.000
32	Đoàn Văn Tuyển	Lái xe	01/11/18	60	2,00	1,5	3	1.000
33	Trần Danh Lâm	Lái xe	01/07/12	2374	79,13	1,5	118,7	60.000
34	Phòng TCKT							
35	Dương Anh Minh	PP TCKT	01/05/18	244	8,13	2,8	22,77	13.000
36	Nguyễn Ph. Mạnh Hiền	PP TCKT	25/09/09	3384	112,80	2,8	250,37	130.000
		<i>PP TCKT</i>	<i>10/02/15</i>	<i>1420</i>	<i>47,33</i>	<i>2,8</i>	<i>132,53</i>	
		<i>Chuyên viên</i>	<i>25/09/09</i>	<i>1964</i>	<i>65,47</i>	<i>1,8</i>	<i>117,84</i>	
37	Nguyễn Đình Tuấn	NV	15/06/07	4217	140,57	1,8	253,02	129.000
38	Hồ Thị Lam	NV	08/09/15	1210	40,33	1,8	72,6	37.000
39	Hồ Thị Thắm	NV	01/07/07	4201	140,03	1,8	252,06	129.000
	Phòng Kinh tế Kế hoạch							
40	Đoàn Văn Trường	Trưởng phòng KTKH	07/09/09	3402	113,40	3	290,47	152.000
		<i>Phó phòng phụ trách</i>	<i>05/10/18</i>	<i>87</i>	<i>2,90</i>	<i>3</i>	<i>8,70</i>	
		<i>Phó phòng</i>	<i>15/12/11</i>	<i>2486</i>	<i>82,87</i>	<i>2,8</i>	<i>232,03</i>	
		<i>Chuyên viên</i>	<i>07/09/09</i>	<i>829</i>	<i>27,63</i>	<i>1,8</i>	<i>49,74</i>	
41	Lê Huy Hải	Phó phòng KTKH	07/04/09	3555	118,50	2,8	321,50	167.000
		<i>PP. KTKH</i>	<i>10/02/10</i>	<i>3246</i>	<i>108,20</i>	<i>2,8</i>	<i>302,96</i>	
		<i>chuyên viên</i>	<i>07/04/09</i>	<i>309</i>	<i>10,30</i>	<i>1,8</i>	<i>18,54</i>	
42	Trương Công Khánh	Phó phòng KTKH	16/05/07	4247	141,57	2,8	312,92	162.000
		<i>PP.KTKH</i>	<i>10/08/18</i>	<i>143</i>	<i>4,77</i>	<i>2,8</i>	<i>13,35</i>	
		<i>chuyên viên KTKH</i>	<i>01/02/16</i>	<i>921</i>	<i>30,70</i>	<i>1,8</i>	<i>55,26</i>	
		<i>Phó ban đường dây</i>	<i>15/09/11</i>	<i>1600</i>	<i>53,33</i>	<i>2,8</i>	<i>149,33</i>	
		<i>Chuyên viên</i>	<i>16/05/07</i>	<i>1583</i>	<i>52,77</i>	<i>1,8</i>	<i>94,98</i>	
43	Trần Thị Bạch Dương	NV	05/02/09	3616	120,53	1,8	216,96	111.000

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Số cổ phiếu được mua
44	Hồ Hữu Tân	NV	01/09/09	3408	113,60	1,8	204,48	104.000
45	Triệu Hùng Dương	NV	15/03/15	1387	46,23	1,8	83,22	42.000
46	Lê Hồng Công	NV	01/11/18	60	2,00	1,8	3,6	1.000
	Phòng đền bù							
47	Vũ Đình Tuấn	TP.GPMB	01/08/07	4170	139,00	3	376,05	195.000
		TP.GPMB	15/01/12	2542	84,73	3	254,20	
		PP.GPMB	20/01/10	725	24,17	2,8	67,67	
		chuyên viên	01/08/07	903	30,10	1,8	54,18	
48	Nguyễn Hồng Quang	NV	15/03/09	3578	119,27	1,8	214,68	110.000
49	Bùi Ngọc Thiêm	NV	06/10/10	3008	100,27	1,8	180,48	92.000
50	Hồ Thị Thủy	NV	01/01/09	3651	121,70	1,8	219,06	112.000
51	Phan Đình Hà	NV	10/06/12	2395	79,83	1,8	143,7	73.000
	Bảo vệ							
52	Lê Bá Long	Tổ trưởng BV	07/11/07	4072	135,73	2	258,71	132.000
		Tổ trưởng BV	01/02/13	2159	71,97	2	143,93	
		BV	07/11/07	1913	63,77	1,8	114,78	
53	Nguyễn Thanh Đức	BV	17/05/11	2785	92,83	1,8	167,1	85.000
54	Nguyễn Xuân Đại	BV	15/06/10	3121	104,03	1,8	187,26	96.000
55	La Văn Tuấn	BV	01/03/10	3227	107,57	1,8	193,62	99.000
56	Hoàng Văn Vũ	BV	10/06/12	2395	79,83	1,8	143,7	73.000
57	Trần Văn Thăng	BV	10/07/12	2365	78,83	1,8	141,9	72.000
58	Trần Văn Hội	BV	01/07/09	3470	115,67	1,8	208,2	106.000
59	Phạm Đức Thủy	BV	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
60	Hà Thanh Nguyên	Vận hành	18/03/13	2114	70,47	1,8	126,84	65.000
61	Nguyễn Thanh Hương	Vận hành	04/07/12	2371	79,03	1,8	142,26	73.000
62	Lê Anh Tú	Sửa chữa	01/09/12	2312	77,07	1,8	151,15	77.000
		Sửa chữa	12/03/18	294	9,80	1,8	17,64	
		Đội phó BV	01/02/13	1865	62,17	2	124,33	
		BV	01/09/12	153	5,10	1,8	9,18	
63	Nguyễn Quốc Khánh	Sửa chữa	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
64	Nguyễn Phụng Long	Sửa chữa	01/03/16	1035	34,50	1,8	62,1	31.000
	Phòng Kỹ thuật							
65	Ngô Đăng Tiến	Trưởng Phòng KT-CN	01/12/09	3317	110,57	3	329,70	172.000
		TP.KT	2/1/2014	1824	60,80	3	182,40	
		TP.TBCN-CBSX	20/01/10	1443	48,10	3	144,30	
		Chuyên viên	01/12/09	50	1,67	1,8	3,00	
66	Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Phòng KT-CN	03/11/09	3345	111,50	2,8	309,27	160.000
		PP.KTCN	01/09/16	851	28,37	2,8	79,43	
		Phó quản đốc	01/04/13	1249	41,63	2,8	116,57	
		Phó ban đường dây	30/1/2010	1157	38,57	2,8	107,99	
		chuyên viên	03/11/09	88	2,93	1,8	5,28	
67	Bùi Xuân Hoà	Phó Phòng KT-CN	01/05/10	3166	105,53	2,8	262,52667	136.000
		PP.KT	08/04/13	2093	69,77	2,8	195,35	
		Quản đốc	28/01/13	70	2,33	3	7,00	
		chuyên viên	01/05/10	1003	33,43	1,8	60,18	
68	Thái Hữu Thư	Phó Quản Đốc VH-SC	01/07/12	2374	79,13	2,8	177,91	91.000
		Phó quản đốc	01/02/16	1064	35,47	2,8	99,31	

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hcdi)	Điểm (Hcdi*ti)	Số cổ phiếu được mua
		<i>chuyên viên</i>	01/07/12	1310	43,67	1,8	78,60	
69	Nguyễn Duy Long	Phó Quản Đốc VH-SC	01/07/12	2374	79,13	2,8	199,84	102.000
		<i>Phó quản đốc</i>	12/09/16	840	28,00	2,8	78,40	
		<i>Trưởng ca</i>	01/04/13	1260	42,00	2,5	105,00	
		<i>chuyên viên</i>	01/07/12	274	9,13	1,8	16,44	
70	Nguyễn Hải Long	Chuyên viên	01/09/09	3408	113,60	1,8	204,48	104.000
71	Chu Quốc Doanh	Thủ kho	10/06/12	2395	79,83	1,5	143,7	73.000
72	Vũ Đức Châu	Chuyên viên	10/02/11	2881	96,03	1,8	172,86	88.000
73	Lê Duy Hải	Chuyên viên	01/04/17	639	21,30	1,8	38,34	19.000
74	Hà Duy Tuấn	Chuyên viên	01/10/18	91	3,03	1,8	5,46	2.000
75	Nguyễn Thái Bình	Tr.C	01/07/12	2374	79,13	2,5	191,44	98.000
		<i>Tr.C</i>	01/04/13	2100	70,00	2,5	175,00	
		<i>Vận hành</i>	01/07/12	274	9,13	1,8	16,44	
76	Trần Khắc Đồng	Tr.C	01/07/12	2374	79,13	2,5	191,44	98.000
		<i>Tr.C</i>	01/04/13	2100	70,00	2,5	175,00	
		<i>Vận hành</i>	01/07/12	274	9,13	1,8	16,44	
77	Đặng Thanh Hưng	Tr.C	01/07/12	2374	79,13	2,5	191,44	98.000
		<i>Tr.C</i>	01/04/13	2100	70,00	2,5	175,00	
		<i>Vận hành</i>	01/07/12	274	9,13	1,8	16,44	
78	Nguyễn Đình Hòa	Tr.C	01/07/12	2374	79,13	2,5	189,41	97.000
		<i>Tr.C</i>	01/08/13	1978	65,93	2,5	164,83	
		<i>Tr.K</i>	01/04/13	122	4,07	2	8,13	
		<i>Vận hành</i>	01/07/12	274	9,13	1,8	16,44	
79	Hoàng Tất Thế	Tr.C	01/07/12	2374	79,13	2,5	189,41	97.000
		<i>Tr.C</i>	01/08/13	1978	65,93	2,5	164,83	
		<i>Tr.K</i>	01/04/13	122	4,07	2	8,13	
		<i>Vận hành</i>	01/07/12	274	9,13	1,8	16,44	
80	Hoàng Văn Vũ (VH)	Tr.C	01/09/12	2312	77,07	2,5	176,82	90.000
		<i>Tr.C</i>	15/01/15	1446	48,20	2,5	120,50	
		<i>Tr.K</i>	01/04/13	654	21,80	2,0	43,60	
		<i>Vận hành</i>	01/09/12	212	7,07	1,8	12,72	
81	Võ Công Lương	Tr.K	01/09/12	2312	77,07	2	152,72	78.000
		<i>Tr.K</i>	01/04/13	2100	7,07	2	140,00	
		<i>Vận hành</i>	01/09/12	212	70,00	1,8	12,72	
82	Võ Trọng Vinh	Tr.C	01/01/09	3651	121,70	2,5	257,16	131.000
		<i>Tr.C</i>	15/01/15	1446	48,20	2,5	120,50	
		<i>Tr.K</i>	01/04/13	654	21,80	2	43,60	
		<i>Vận hành</i>	01/01/09	1551	51,70	1,8	93,06	
83	Trần Đình Dương	Tr.K	01/10/12	2282	76,07	2	150,11	77.000
		<i>Tr.K</i>	01/08/13	1978	65,93	2	131,87	
		<i>Vận hành</i>	01/10/12	304	10,13	1,8	18,24	
84	Tô Xuân Minh	Tr.K	01/10/12	2282	76,07	2	150,11	77.000
		<i>Tr.K</i>	01/08/13	1978	65,93	2	131,87	
		<i>Vận hành</i>	01/10/12	304	10,13	1,8	18,24	
85	Nguyễn Đình Chung	Tr.K	01/10/12	2282	76,07	2	150,11	77.000
		<i>Tr.K</i>	01/08/13	1978	65,93	2	131,87	
		<i>Vận hành</i>	01/10/12	304	10,13	1,8	18,24	
86	Phan Xuân Nam	Tr.K	01/11/12	2251	75,03	2	140,66	72.000
		<i>Tr.K</i>	12/09/16	840	28,00	2	56,00	
		<i>Vận hành</i>	01/11/12	1411	47,03	1,8	84,66	
87	Trần Đình Dũng	Vận hành	10/07/12	2365	78,83	1,8	141,9	72.000
88	Sâm Văn Thuận	Vận hành	01/09/12	2312	77,07	1,8	138,72	71.000
89	Đình Thế Hữu	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000

TT	Họ tên	Bộ phận	Ngày vào công ty/ngày bổ nhiệm	Thâm niên theo ngày	Thâm niên theo tháng (Ti)	Hệ số chức danh (Hedi)	Điểm (Hedi*ti)	Số cổ phiếu được mua
90	Trần Trọng Luân	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
91	Cao Thanh Việt	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
92	Trịnh Xuân Hùng	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
93	Nguyễn Văn Dân	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
94	Võ Đình Chiến	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
95	Nguyễn Hữu An	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
96	Hồ Đạt Đạo	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
97	Lương Quốc Chung	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
98	Bùi Duy Long	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
99	Hồ Xuân Khoa	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
100	Lương Văn Tú	Vận hành	01/11/12	2251	75,03	1,8	135,06	69.000
101	Đặng Văn Ngân	Vận hành	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
102	Đặng Đức Hưởng	Vận hành	01/10/12	2282	76,07	1,8	136,92	70.000
103	Lê Trọng Thủy	Tổ trưởng TĐ	01/11/12	2251	75,03	2	147,95	75.000
		Tổ trưởng	15/09/13	1933	64,43	2	128,87	
		SC	01/11/12	318	10,60	1,8	19,08	
104	Phạm Công Thành	Tổ phó CK	01/10/12	2282	76,07	2	148,29	76.000
		tổ phó	01/05/14	1705	56,83	2	113,67	
		SC	01/10/12	577	19,23	1,8	34,62	
105	Đặng Văn Hùng	Tổ phó TĐ	01/10/12	2282	76,07	2	148,29	76.000
		tổ phó	01/05/14	1705	56,83	2	113,67	
		SC	01/10/12	577	19,23	1,8	34,62	
106	Trần Hữu Công	Tổ trưởng CK	01/10/12	2282	76,07	2	149,81	76.000
		Tổ trưởng	15/09/13	1933	64,43	2	128,87	
		SC	01/10/12	349	11,63	1,8	20,94	
107	Trần Văn Hiếu	SC	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
108	Lê Như Lai	SC	10/12/13	1847	61,57	1,8	110,82	56.000
109	Nguyễn Cảnh Hòa	SC	01/01/14	1825	60,83	1,8	109,5	56.000
110	Nguyễn Hàm Chung	SC	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
111	Nguyễn Văn Cường	SC	18/03/13	2114	70,47	1,8	126,84	65.000
112	Nguyễn Duy Cường	SC	18/03/13	2114	70,47	1,8	126,84	65.000
113	Quang Văn Trúc	SC	18/03/13	2114	70,47	1,8	126,84	65.000
114	Phan Đình Quyền	SC	01/08/15	1248	41,60	1,8	74,88	38.000
115	Nguyễn Đình Đắc	SC	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
116	Trần Văn Lâm	SC	01/07/18	183	6,10	1,8	10,98	5.000
117	Trần Thị Bích Đào	SC	15/06/13	2025	67,50	1,8	121,5	62.000
	Tổng cộng						19.016,79	10.000.000

Số: 155 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Nhu cầu hoạt động và phát triển của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

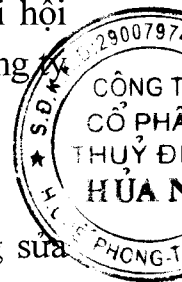
1. Lý do bổ sung.

Hiện nay, trải qua hơn 6 năm hoạt động quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cũng như bảo trì các hạng mục xây dựng thuộc Công trình Nhà máy thủy điện Hủa Na. Các cán bộ công nhân viên, người lao động tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ngày càng vững vàng tay nghề, đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng bảo trì Nhà máy.

Trên cơ sở mục tiêu hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như: đạt lợi nhuận tối đa từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng; không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần cho người lao động; phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và đóng góp cao cho ngân sách Nhà nước. Ngoài nhiệm vụ quản lý vận hành, sửa chữa định kỳ Nhà máy thủy điện Hủa Na đã và đang thực hiện tốt để đạt lợi nhuận tối đa từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng, cần thiết phải bổ sung ngành nghề kinh doanh để Công ty có thể thực hiện dịch vụ với các đối tác, các nhà máy thủy điện khác có nhu cầu nhằm mang lại thêm doanh thu, bổ sung lợi nhuận cho Công ty, cho lợi ích của các cổ đông.

2. Những ngành nghề kinh doanh đề nghị bổ sung.

Các ngành nghề đề nghị Đại hội đồng cổ đông bổ sung như sau:



Stt	Tên ngành/nội dung	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Dịch vụ vận hành nhà máy thủy điện;	3510
2	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy thủy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy và các phần có liên quan;	3319
3	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy thủy điện.	7120
4	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	7020
5	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	7410
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	8559

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được phép hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)

3. Kiến nghị:

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty: chỉ đạo, phê duyệt các thủ tục bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh như trên; chỉ đạo, phê duyệt sửa đổi các nội dung thay đổi liên quan đến việc bổ sung ngành nghề trong Điều lệ hiện hành của Công ty và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Các Ban GD (t/h);
- Lưu VT.



Hoàng Xuân Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Cổ phần

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tờ trình Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tờ trình Thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Lưu ý:

- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô: "**Đồng ý**" hoặc "**Không đồng ý**" hoặc "**Không ý kiến**" lần lượt từng nội dung biểu quyết.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 25/4/2019.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 25/4/2019 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019. Công ty tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

a. Công tác sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2019.
- Nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch tiết giảm chi phí năm 2019.

b. Các nội dung khác:

- Hoàn thành toàn bộ công tác bồi thường, tái định cư, tái định canh dự án Thủy điện Hủa Na trong năm 2019.

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019:

a. Kết quả các chỉ tiêu chính năm 2018:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4/5)
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	650,35	808,17	124%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46	883,23	134%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	662,09	101%

4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	221,14	3184%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	217,42	3134%
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	138,44	193,87	140%
7	Giá điện bình quân (chưa bao gồm các thuế, phí)	đ/kWh	903,08	948,89	105%

b. Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2019:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,64
2	Chỉ tiêu tài chính		
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	710,39
-	Tổng chi phí	Tỷ đồng	648,87
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61,52
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	58,44
-	Hệ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,01
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL (tạm tính)	%	2,73
3	Đào tạo (320 lượt người)	Tỷ đồng	1,41
4	Giá thành	Đồng/kWh	997,3
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	158,02
6	Lao động	Người	117
7	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	26,98

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra giám sát năm 2018 và kế hoạch kiểm soát năm 2019.

4. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

5. Kế hoạch tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

6. Báo cáo chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và dự toán chi phí năm 2019.

a. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2018 như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 72.000.000 đồng/năm;
- Trưởng Ban kiểm soát: 11.000.000 đồng/năm;

- Thành viên Ban kiểm soát: 62.666.666 đồng/năm;
 - Chi phí hoạt động (hội, họp...): 179.592.477 đồng/năm.
- b. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2019 như sau:*

TT	Chức vụ	Định mức/tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
1	Thù lao				216.000.000
-	Thành viên HĐQT	5.000.000	12	2	120.000.000
-	Ủy viên Ban KS	4.000.000	12	2	96.000.000
2	Chi phí hoạt động				288.000.000
-	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	3.000.000	12	8	288.000.000
	Tổng cộng				504.000.000

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 217.416.073.774 đồng được phân phối như sau:

- Lợi nhuận dùng để bù đắp số lỗ lũy kế đến năm 2018 là: 77.321.670.157 đồng.
- Trích Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý và Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động năm 2018 là: 8.007.127.832 đồng:
 - + Quỹ Khen thưởng Viên chức Quản lý: 450.300.000 đồng;
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi Người lao động: 7.556.827.832 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế giữ lại chưa phân phối: 132.087.275.785 đồng.

8. Danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn theo quy định, bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam.
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

9. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na, như sau:

a. Phương án chi tiết

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 225.659.210 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 225.659.210 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 10.000.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ phát hành/khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4,43%
- Đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động gần nhất: Không có
- Giá phát hành: Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*)
- Đối tượng phát hành:
 - + Cán bộ, NLD của Công ty và các thành viên HĐQT, BKS Công ty theo tiêu chí và danh sách được HĐQT phê duyệt.
 - + ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt tiêu chí và danh sách Cán bộ, NLD, thành viên HĐQT, BKS được mua cổ phiếu chính thức.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong Quý II/2019 và Quý III/2019 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành và ủy quyền cho HĐQT thực hiện.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng:
 - + Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - + Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ hoặc bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trong thời gian trước khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản kết quả phát hành cổ phiếu ESOP, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện thu hồi lại toàn bộ số cổ phiếu được phát hành của thành viên này và xử lý như trường hợp thành viên ESOP không mua hết theo danh sách;
 - + Các trường hợp NLD chuyển công tác hoặc chấm dứt HĐLĐ khác trong thời gian trên, NLD vẫn thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu các thành viên ESOP không mua hết theo danh sách: Trường hợp kết thúc đợt chào bán đầu tiên, số lượng cổ phiếu không được các Cán bộ, NLD và các thành viên HĐQT, BKS có tên trong Danh sách được mua cổ phần do HĐQT thông qua mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ cho các thành viên ESOP có nguyện vọng đăng ký mua thêm với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu
- Các vấn đề khác:

+ Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty không được biểu quyết thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu;

+ Hội đồng quản trị thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP trong đó quy định tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện;

+ Hội đồng quản trị thông qua thực hiện phương án phát hành

b. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng như sau:

+ Chi trả thanh toán các khoản nợ gốc và lãi vay ngân hàng;

+ Chi trả thanh toán cho các khoản chi phí SXKD của Công ty.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ vốn, điều chỉnh và/hoặc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

c. Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung

Đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

d. Các nội dung ủy quyền:

ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Thực hiện thủ tục cần thiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật;

- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án để đăng ký phát hành cổ phiếu với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (Sở Kế hoạch và Đầu tư/UBCKNN) hoặc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có) và thông qua Phương án phát hành chi tiết;

- Lựa chọn thời gian thực hiện phát hành/chào bán cổ phiếu, đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và Công ty cũng như khả năng thành công của đợt phát hành;

- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Thủy điện Hòa Na theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký giao dịch và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An sau khi hoàn tất đợt chào bán.

10. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na. Các ngành nghề bổ sung như sau:

TT	Tên ngành/nội dung	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Dịch vụ vận hành nhà máy thủy điện;	3510
2	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy thủy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy và các phần có liên quan;	3319
3	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy thủy điện.	7120
4	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	7020
5	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	7410
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện (Ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	8559

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty: chỉ đạo, phê duyệt các thủ tục bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh như trên; chỉ đạo, phê duyệt sửa đổi các nội dung thay đổi liên quan đến việc bổ sung ngành nghề trong Điều lệ hiện hành của Công ty và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2: Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức & Hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (đề b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành